

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ**

**NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO**  
**HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CHUẨN HÓA DỮ LIỆU**  
**ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**Đơn vị chủ trì:** Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

**Chủ nhiệm đề tài:** Th.s. Phạm Quang Huy

**Thư ký đề tài:** Trần Thị Xuyên

**HÀ NỘI, tháng 3/2017**

# MỤC LỤC

<b>NHÓM ĐỀ TÀI .....</b>	<b>1</b>
<b>THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>2</b>
<b>DANH MỤC BẢNG.....</b>	<b>3</b>
<b>DANH MỤC HÌNH.....</b>	<b>4</b>
<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1.....</b>	<b>9</b>
<b>CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ .....</b>	<b>9</b>
<b>CHUẨN HÓA DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>9</b>
<b>1. Doanh nghiệp .....</b>	<b>9</b>
1.1. Khái niệm .....	9
1.2. Các loại hình doanh nghiệp.....	10
<b>2. Đăng ký doanh nghiệp .....</b>	<b>10</b>
2.1. Khái niệm .....	10
2.2. Nguyên tắc áp dụng đăng ký doanh nghiệp .....	11
2.3. Phân loại đăng ký doanh nghiệp .....	11
2.4. Phương thức đăng ký doanh nghiệp.....	13
<b>3. Dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....</b>	<b>13</b>
3.1. Khái niệm .....	13
3.2. Đặc điểm, hình thức dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	13
<b>4. Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....</b>	<b>15</b>
<b>5. Quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....</b>	<b>15</b>
5.1. Khái niệm .....	16
5.2. Mục tiêu quản lý.....	17
5.3. Nguyên tắc quản lý.....	18
5.3.1. Nguyên tắc tập trung dân chủ .....	19
5.3.2. Nguyên tắc đảm bảo người dân, doanh nghiệp tham gia vào công tác quản lý .....	19
5.3.3. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý.....	20
5.4. Nội dung cơ bản của quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	21
5.4.1. Xây dựng quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. 21	

5.4.2. Tổ chức bộ máy quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	22
5.4.3. Kiểm soát quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	24
5.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	25
5.5.1. Các yếu tố nội tại của cơ quan quản lý .....	25
5.5.2. Các yếu tố bên ngoài cơ quan quản lý .....	28
5.6. Tiêu chí đánh giá kết quả chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp...	34
<b>6. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....</b>	<b>35</b>
6.1. Kinh nghiệm quốc tế .....	35
6.2. Bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	40
<b>CHƯƠNG 2.....</b>	<b>41</b>
<b>THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUẨN HÓA .....</b>	<b>41</b>
<b>DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>41</b>
<b>1. Thực trạng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....</b>	<b>41</b>
1.1. Thực trạng lưu trữ dữ liệu .....	41
1.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng về quản lý, lưu trữ dữ liệu .....	42
1.3. Thực trạng chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	43
1.3.1. Số lượng doanh nghiệp trống trường thông tin.....	43
1.3.2. Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa chính xác .....	49
1.3.3. Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu không thống nhất .....	50
1.3.4. Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa cập nhật .....	51
<b>2. Thực trạng quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.....</b>	<b>55</b>
2.1. Thực trạng xây dựng văn bản quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	55
2.1.1. Xây dựng văn bản pháp luật quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	56
2.1.2. Ban hành văn bản hướng dẫn và phối hợp thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	57
2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy thực thi chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	59

2.3. Kiểm soát việc thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	64
<b>3. Đánh giá kết quả chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.....</b>	<b>64</b>
3.1. Đánh giá kết quả quản lý theo tiêu chí.....	64
3.2. Đánh giá công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.....	67
3.2.1. Điểm mạnh .....	67
3.2.2. Điểm yếu .....	68
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>71</b>
<b>GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CHUẨN HÓA DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>71</b>
1. Quan điểm quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam ..	71
1.1. Quan điểm của Đảng.....	71
1.2 Quan điểm quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.....	73
2. Mục tiêu quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp đến năm 2020..	74
3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đến năm 2020.....	75
3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy định chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	75
3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý về đăng ký doanh nghiệp .....	78
3.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện kiểm soát việc thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp .....	80
3.4. Nhóm giải pháp khác .....	82
4. Điều kiện thực thi giải pháp .....	85
4.1. Đối với Chính phủ.....	85
4.2. Đối với các Bộ, ngành liên quan khác .....	86
4.3. Đối với chính quyền địa phương.....	87
4.4. Đối với doanh nghiệp.....	88
<b>PHẦN KẾT LUẬN.....</b>	<b>89</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>91</b>

## NHÓM ĐỀ TÀI

<i>Họ và tên</i>	<i>Học vị</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Đơn vị công tác</i>
1. Phạm Quang Huy	Thạc sỹ	Trưởng phòng, Chủ nhiệm Đề tài	Cục Quản lý ĐKKD
2. Đỗ Tiến Thịnh	Cử nhân	Giám đốc Trung tâm	Cục Quản lý ĐKKD
3. Nguyễn Khắc Huy	Thạc sỹ	Trưởng phòng	Cục Quản lý ĐKKD
4. Lê Thị Thúy	Thạc sỹ	Chánh Văn phòng	Cục Quản lý ĐKKD
5. Nguyễn Việt Anh	Thạc sỹ	Trưởng phòng	Cục Quản lý ĐKKD
6. Đặng Tiến Đạt	Thạc sỹ	Chuyên viên	Cục Quản lý ĐKKD
7. Trần Thị Xuyên	Cử nhân	Chuyên viên	Cục Quản lý ĐKKD
8. Trương Tuấn Anh	Thạc sỹ	Chuyên viên	Cục Quản lý ĐKKD

## THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

STT	Thuật ngữ/Từ viết tắt	Giải thích
1	CN	Chi nhánh
2	ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
3	ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
4	GDP	Tổng sản phẩm trong nước
5	WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
6	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
7	NBIN	Mạng thông tin doanh nghiệp
8	UBND	Ủy ban nhân dân
9	VPĐD	Văn phòng đại diện

## DANH MỤC BẢNG

Bảng số 1: Các loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2014.....	10
Bảng số 2: Số lượng doanh nghiệp trồng rừng thông tin của dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi và doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống.....	44
Bảng số 3: Số trường thông tin trồng của dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi và doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống .....	45
Bảng số 4: Số lượng doanh nghiệp trồng thông tin mã số doanh nghiệp theo loại hình đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống và khối chuyển đổi .....	46
Bảng số 5: Số lượng doanh nghiệp trồng mã ngành kinh doanh chính theo loại hình đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống và khối chuyển đổi .....	47
Bảng số 6: Số lượng doanh nghiệp trồng thông tin địa chỉ trụ sở chính theo loại hình đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống và khối chuyển đổi .....	48
Bảng số 7: Số lượng doanh nghiệp nhập sai định dạng dữ liệu.....	49
Bảng số 8: Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa thống nhất .....	50
Bảng số 9: Số lượng doanh nghiệp chưa được cập nhật thông tin theo loại hình .....	52
Bảng số 10: Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi còn trồng thông tin cần tiếp tục triển khai cập nhật thông tin.....	53
Bảng số 11: Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi có dữ liệu nhập sai định dạng cần tiếp tục cập nhật thông tin.....	53
Bảng số 12: Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi có dữ liệu chưa thống nhất cần tiếp tục cập nhật thông tin.....	54
Bảng số 13: Các quy định được xây dựng, ban hành giai đoạn 2011 -2015 .....	56
Bảng số 14: Các văn bản hướng dẫn ban hành giai đoạn 2011 -2015.....	58
Bảng số 15: Tình hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đăng ký kinh doanh giai đoạn 2011-2015.....	63
Bảng số 16: Số lượng doanh nghiệp trồng rừng thông tin sau chuẩn hóa.....	65
Bảng số 17: Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa chính xác.....	65
Bảng số 18: Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa thống nhất .....	66

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1: Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước .....	59
Hình 2: Sơ đồ cơ cấu, tổ chức Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.....	61
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu, tổ chức Phòng đăng ký kinh doanh.....	62



# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Sự cần thiết của đề tài

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp, bắt đầu từ Luật Doanh nghiệp năm 1999, tiếp đến là Luật Doanh nghiệp năm 2005 và hiện nay là Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có tác động rất tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, khẳng định sức mạnh và vai trò ngày càng lớn của khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Việt Nam. Với tinh thần chủ đạo là "doanh nghiệp được tự do kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm" và sự chuyển biến hết sức quan trọng từ "cấp phép kinh doanh" sang "đăng ký kinh doanh", Luật Doanh nghiệp năm 1999 đánh dấu một mốc quan trọng trong những nỗ lực của Nhà nước nhằm tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Các chỉ số thống kê cho thấy, kể từ năm 2000 số lượng doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc đăng ký mới thuộc khu vực ngoài quốc doanh liên tục tăng và nhiều đóng góp tích cực vào tăng trưởng GDP của đất nước. Theo số liệu thống kê từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến hết năm 2016, cả nước hiện có hơn 1,3 triệu doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc được đăng ký thành lập, trong đó có hơn 1 triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc được thành lập trong giai đoạn 2000 - 2016, chiếm tỷ lệ 77% trên tổng số 1,3 triệu doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc thành lập trong giai đoạn 1990 - 2016.

Với những thay đổi của Luật Doanh nghiệp đã tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của khu vực tư nhân ở Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh phải khẩn trương được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu cải cách, trong đó, một trong những nhiệm vụ cấp bách là xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác đăng ký kinh doanh. Thực hiện nhiệm vụ trên, từ năm 2008 đến 2010, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh đã hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc; thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin

gốc về doanh nghiệp. Việc xây dựng được một cơ sở dữ liệu thống nhất đã tạo thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước cùng thống nhất sử dụng một bộ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đây cũng là nguồn cung cấp thông tin chính thống, có giá trị pháp lý và là thông tin gốc về đăng ký doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế đối với khối dữ liệu được chuyển đổi từ địa phương như thiếu và sai khác thông tin,... Cụ thể, trong hơn 1,3 triệu dữ liệu của các doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì có hơn 700 nghìn dữ liệu là do chuyển đổi. Các dữ liệu chuyển đổi nói trên đã có từ trước khi xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hình thành qua nhiều giai đoạn (giai đoạn 1999-2005; 2005-2010) và thực hiện theo các quy định khác nhau (Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp 2005) cũng như được cấp, quản lý bởi 65 Phòng đăng ký kinh doanh trong cả nước, do đó, chất lượng dữ liệu chuyển đổi từ các cơ sở dữ liệu địa phương khác nhau, không có sự đồng nhất, tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu còn hạn chế. Những hạn chế trên, đã ảnh hưởng tới hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp cũng như không đảm bảo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin có giá trị pháp lý về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, gia tăng rủi ro cho doanh nghiệp trong việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc khi thực hiện giao dịch thương mại, qua đó gián tiếp hạn chế tính minh bạch của môi trường kinh doanh. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là một yêu cầu quan trọng và cấp thiết.

Trước tình hình đó, từ năm 2011 đến 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức hướng dẫn triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp cho các địa phương trong cả nước. Qua thực tế triển khai tại các địa phương cho thấy, kết quả chất lượng dữ liệu doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã dần được cải thiện, cùng với đó đã góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính

minh bạch của môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đạt được thì thực tế triển khai cũng cho thấy vẫn còn có một số tồn tại cần khắc phục, giải quyết gồm: (i) nhận thức về sự cần thiết và tầm quan trọng của công tác chuẩn hóa dữ liệu doanh nghiệp tại địa phương là chưa cao; (ii) một số địa phương còn thiếu sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt từ phía lãnh đạo; (iii) khối lượng công việc triển khai lớn trong khi nguồn lực hạn chế; công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong triển khai còn hạn chế;... Những tồn tại nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng và hiệu quả của công tác triển khai chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp tại các địa phương.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là yêu cầu thực tiễn, tất yếu và cũng là cơ sở lý luận cho việc lựa chọn đề tài khoa học cấp Bộ với tên gọi “**Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương**” của Cục quản lý đăng ký kinh doanh. Đề tài do Th.s. Phạm Quang Huy - Trưởng phòng Thông tin và Cơ sở dữ liệu, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh làm chủ nhiệm sẽ tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đánh giá những mặt tích cực cũng như hạn chế, tìm ra các nguyên nhân để đề xuất quan điểm, phương hướng và một số giải pháp thực tế, kịp thời giải quyết các tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **2.1 Mục tiêu tổng quát:**

Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh.

### **2.2 Mục tiêu cụ thể:**

- Xác định khung lý thuyết về quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

- Đánh giá được thực trạng công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

- Đề xuất quan điểm và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương đến năm 2020.

### **3. Đối tượng nghiên cứu**

Những nội dung cơ bản của công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

### **4. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp và cũng là cơ quan hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Vì vậy, các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.

Do nội dung công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là tương đối rộng, nên trong phạm vi nghiên cứu, đề tài giới hạn phạm vi nghiên cứu là công tác chuẩn hóa dữ liệu tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Về không gian: Nội dung công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Về thời gian: Thực trạng công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn từ năm 2011- 2015.

### **5. Câu hỏi nghiên cứu**

- Công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp hiện nay như thế nào?

- Các vấn đề hiện nay còn tồn tại trong công tác chuẩn hóa dữ liệu và nguyên nhân?

- Những giải pháp và điều kiện thực hiện để nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp?

### **6. Tổng quan nghiên cứu**

Kể từ khi ban hành Luật Doanh nghiệp 1999, tiếp đó là Luật Doanh nghiệp 2005 và hiện nay là Luật Doanh nghiệp 2014, môi trường kinh doanh nước ta đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, qua đó tạo điều kiện thông thoáng và

thuận lợi cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của người dân và các doanh nghiệp. Cùng với đó, sự ra của Luật Doanh nghiệp cũng đã tạo bước đột phá về cải cách hành chính, nâng cao đáng kể tính nhất quán, sự minh bạch và bình đẳng của khung khổ pháp luật về kinh doanh ở nước ta.

Có thể nói, với những thay đổi mà cải cách đem lại đã tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của khu vực tư nhân ở Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh phải khẩn trương được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu cải cách, trong đó, một trong những nhiệm vụ cấp bách là xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác đăng ký kinh doanh. Và năm 2010, đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công tác đăng ký kinh doanh, lần đầu tiên cả nước có hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn dùng chung về đăng ký doanh nghiệp bao gồm Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với dữ liệu phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp.

Tính đến nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hiện đang lưu trữ dữ liệu của hơn 1,3 triệu doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc trên cả nước đã đăng ký thành lập. Tuy nhiên, trong số này thì có hơn 700 nghìn dữ liệu là do chuyển đổi từ các cơ sở dữ liệu cũ tại các địa phương vào trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đối với những dữ liệu chuyển đổi thì hiện còn một số hạn chế như thiếu và sai khác thông tin, tính chất dữ liệu không có sự đồng nhất, tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu còn hạn chế, điều này làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư với chức năng được giao là cơ quan chủ quản trong việc quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp đã tiến hành tổ chức hướng dẫn triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp cho các địa phương trong cả nước. Bên cạnh những kết quả tích cực mang lại thì công tác chuẩn hóa dữ liệu cũng còn tồn tại một số hạn chế về nhận thức tầm quan trọng, sự quan tâm và chỉ đạo, nguồn lực và thời gian, công tác

phối hợp,... do vậy những vấn đề này cần phải được nghiên cứu, đánh giá một cách tổng thể để đưa ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương một cách thống nhất từ cấp Trung ương xuống địa phương.

Qua nghiên cứu, nhóm đề tài nhận thấy kể từ khi nước ta ban hành Luật Doanh nghiệp đến nay chưa có một nghiên cứu chuyên sâu nào về việc nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương để từ đó đề ra những định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh.

Để thực hiện đề tài, nhóm đề tài đã tham khảo, nghiên cứu một số tài liệu về học tập kinh nghiệm quốc tế tại các nước Na Uy, Thụy Điển, Singapore và Malaysia có đề cập tới công tác quản lý dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể, tại các tài liệu nói trên đã chỉ ra được những thành công và kinh nghiệm thực tế của Chính phủ các nước trong công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp, gồm: (i) Pháp lý hóa triệt để quyền và nghĩa vụ của công dân liên quan đến quá trình đăng ký gia nhập thị trường theo hướng người thành lập tự chịu trách nhiệm về các thông tin đăng ký; (ii) Xây dựng cổng thông tin về đăng ký doanh nghiệp để đơn giản hóa thủ tục và thống nhất nghiệp vụ đăng ký kinh doanh, kênh chính thống cho việc cung cấp, trao đổi thông tin pháp lý về đăng ký doanh nghiệp; (iii) Xây dựng các chế tài xử phạt các vi phạm về nghĩa vụ đăng ký và nghĩa vụ báo cáo của doanh nghiệp đảm bảo tính răn đe, góp phần quan trọng trong việc minh bạch hóa môi trường kinh doanh; (iiii) Xây dựng hệ thống pháp lý phát huy vai trò giám sát của xã hội. Nhìn chung, qua tài liệu nghiên cứu giúp cho nhóm đề tài nắm bắt được những thành công, kinh nghiệm, xu thế của công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp của các nước có mô hình đăng ký kinh doanh tiên tiến, hiện đại trên thế giới. Qua đó, rút ra được bài học để vận dụng, áp dụng vào trong công tác quản lý dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Đề tài khoa học cấp Bộ với tên gọi “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương” do Th.s. Phạm Quang Huy - Trưởng phòng Thông tin và Cơ sở dữ liệu Cục Quản lý đăng ký kinh doanh làm chủ nhiệm là công trình nghiên cứu độc lập, duy nhất và không trùng lặp hoặc có nội dung giống hoặc tương tự các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ khác.

## 7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

### 7.1 Khung lý thuyết

Yếu tố ảnh hưởng đến công tác chuẩn hóa dữ liệu	Nội dung công tác chuẩn hóa dữ liệu	Đối tượng công tác chuẩn hóa dữ liệu	Mục tiêu công tác chuẩn hóa dữ liệu
<p><b>- Nội tại:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản quy định hướng dẫn.</li> <li>+ Tổ chức bộ máy thực thi chuẩn hóa dữ liệu.</li> <li>+ Năng lực, trình độ cán bộ.</li> </ul> <p><b>- Bên ngoài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chính sách, pháp luật nhà nước.</li> <li>+ Chiến lược phát triển KT-XH.</li> <li>+ Yêu cầu hội nhập kinh tế.</li> <li>+ Thực trạng phát triển KT-XH.</li> <li>+ Cơ chế phối hợp thực thi.</li> <li>+ Phát triển công nghệ thông tin.</li> <li>+ Năng lực, trình độ doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Tổ chức bộ máy quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Kiểm soát quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tư nhân.</li> <li>- Dữ liệu đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn.</li> <li>- Dữ liệu đăng ký công ty cổ phần.</li> <li>- Dữ liệu đăng ký công ty hợp danh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh.</li> </ul>

### 7.2 Phương pháp nghiên cứu

Bước 1: Nghiên cứu tài liệu nhằm xác định khung lý thuyết về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Bước 2: Thu thập tài liệu, số liệu phục vụ cho phân tích thực trạng công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2011- 2015.

Bước 3: Tiến hành phân tích thực trạng công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2011- 2015.

- Các phương pháp cụ thể: Phương pháp thống kê, so sánh, tổng hợp, phân tích số liệu để chứng minh cho vấn đề nghiên cứu.

- Nguồn số liệu của đề tài chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp từ các báo cáo về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp giai đoạn 2011- 2015.

Bước 4: Trên cơ sở kết luận phân tích thực trạng, những bài học kinh nghiệm, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đến năm 2020.

## **8. Dự kiến các kết quả đạt được**

Đề tài có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn:

- Góp phần xây dựng lý luận về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.  
- Trình bày, phân tích những kết quả đạt được, những tồn tại, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là tài liệu tham khảo cho các cán bộ làm công tác quản lý về đăng ký doanh nghiệp trong việc xây dựng các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

## **9. Kết cấu của đề tài**

Kết cấu đề tài gồm 3 Chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

**Chương 3:** Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.



# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ

### CHUẨN HÓA DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

#### 1. Doanh nghiệp

##### 1.1. Khái niệm

Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “*Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh*”.

Như vậy, trên cơ sở quy định tại Luật có thể khái quát một số đặc trưng cơ bản của doanh nghiệp như sau:

*- Doanh nghiệp phải có tên riêng*

Tên gọi riêng của doanh nghiệp là yếu tố hình thức nhưng là dấu hiệu nhận biết và xác định tư cách chủ thể độc lập của doanh nghiệp trên thương trường.

*- Doanh nghiệp phải có tài sản*

Tài sản là điều kiện hoạt động và cũng là mục đích hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ khai báo trong hồ sơ đăng ký kinh doanh số vốn của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin khai báo.

*- Doanh nghiệp phải có trụ sở giao dịch ổn định*

Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

*- Doanh nghiệp phải được đăng ký thành lập theo quy định*

Luật Doanh nghiệp 2014 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh: “*Giải quyết việc đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, các doanh nghiệp

khi thành lập đều phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

## 1.2. Các loại hình doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp 2014 quy định các loại hình doanh nghiệp với các đặc điểm chính như sau:

**Bảng số 1: Các loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2014**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Đặc điểm		
		Chủ sở hữu	Trách nhiệm	Hạn chế
1	Doanh nghiệp tư nhân	1 cá nhân	Chịu trách nhiệm vô hạn	Chỉ được làm chủ 1 DNTN
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)			
2.1	Công ty TNHH 2 thành viên	- Tối thiểu 2, Tối đa 50 - Cá nhân, tổ chức	Chịu trách nhiệm hữu hạn ( <i>trong phạm vi số vốn cam kết góp</i> )	- Không được phát hành chứng khoán
2.2	Công ty TNHH 1 thành viên	- Duy nhất 1 - Cá nhân, tổ chức	Chịu trách nhiệm hữu hạn ( <i>trong phạm vi số vốn cam kết góp</i> )	- Không được phát hành chứng khoán
3	Công ty cổ phần	- Tối thiểu 3 - Cá nhân, tổ chức	Chịu trách nhiệm hữu hạn ( <i>trong phạm vi số vốn góp</i> )	- Không hạn chế
4	Công ty hợp danh	- Tối thiểu 2 - Cá nhân ( <i>đối với thành viên hợp danh</i> )	- Chịu trách nhiệm liên đới và “vô hạn” ( <i>thành viên hợp danh</i> ) - Chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp ( <i>thành viên góp vốn</i> )	- Không được làm chủ hộ kinh doanh, chủ DNTN - Hạn chế làm thành viên hợp danh của nhiều công ty

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

## 2. Đăng ký doanh nghiệp

### 2.1. Khái niệm

Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định: “Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc

gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Nghị định này”.

Như vậy, từ khái niệm về đăng ký doanh nghiệp nói trên có thể chỉ ra tính chất của hoạt động đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Đăng ký doanh nghiệp chính là việc thực hiện đăng ký thông tin của người thành lập doanh nghiệp.
- Các thông tin đăng ký phải được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh.
- Tất cả các thông tin đăng ký đều được giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

## **2.2. Nguyên tắc áp dụng đăng ký doanh nghiệp**

- Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chữ ký của người đại diện theo pháp luật trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý như nhau.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

## **2.3. Phân loại đăng ký doanh nghiệp**

Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, đăng ký doanh nghiệp bao gồm các nội dung: đăng ký thành lập doanh nghiệp và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác, cụ thể:

- *Đăng ký thành lập doanh nghiệp:*

Là việc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp lần đầu tiên đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp theo đúng quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ. Các loại hình doanh nghiệp thành lập theo quy định, gồm:

- + Doanh nghiệp tư nhân.
- + Công ty TNHH (một thành viên/hai thành viên).
- + Công ty Cổ phần.
- + Công ty Hợp danh.

- *Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:*

Doanh nghiệp có quyền thay đổi nội dung đã đăng ký hoặc bổ sung thêm các nội dung đăng ký mới vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền trừ các nội dung bị cấm. Các nội dung doanh nghiệp được thực hiện đăng ký thay đổi bao gồm:

- + Đăng ký đổi tên doanh nghiệp.
- + Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.
- + Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh.
- + Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.
- + Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp.
- + Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.
- + Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên.
- + Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích.

- Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; cổ đông sáng lập công ty cổ phần; thành viên hợp danh.

- + Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế.

- *Các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác:*

- + Đăng ký giải thể doanh nghiệp.
- + Thông báo tạm ngừng kinh doanh.
- + Thông báo công bố mẫu dấu.

+ Thông báo công bố thành lập doanh nghiệp.

## **2.4. Phương thức đăng ký doanh nghiệp**

Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (gọi chung là Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) là cơ quan có thẩm quyền trực tiếp tiếp nhận, xem xét, chấp thuận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức khi tới đăng ký nộp hồ sơ. Hiện nay, có các phương thức để các cá nhân, tổ chức có thể thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, gồm:

- Nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Nộp hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện.
- Đăng ký trực tiếp qua mạng điện tử.

## **3. Dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

### **3.1. Khái niệm**

“Dữ liệu” là một thuật ngữ kỹ thuật được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, được phản ánh dưới hình thức các con số, ký tự, hình ảnh hay các kết quả khác của các thiết bị chuyển đổi các lượng vật lý thành các ký hiệu. Dữ liệu được phân thành 02 loại, dữ liệu có cấu trúc như số, ngày, chuỗi ký tự, ...dữ liệu không có cấu trúc như hình ảnh, âm thanh...Nhìn chung, dữ liệu được hiểu là một hình thức thể hiện của thông tin. Nói một cách khác thông tin là dữ liệu đã được xử lý để làm tăng sự hiểu biết của người sử dụng.

Như vậy, *dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là hình thức thể hiện của các thông tin đăng ký doanh nghiệp, dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được biểu hiện cụ thể bằng các con số, ký tự, hình ảnh hay các kết quả khác về thông tin đăng ký doanh nghiệp.* Thông tin đăng ký doanh nghiệp bao gồm thông tin đăng ký kinh doanh và thông tin đăng ký thuế.

### **3.2. Đặc điểm, hình thức dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

- Đặc điểm:

- *Tính liên tục:* Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp được ghi nhận theo thời gian thực, xuyên suốt và không gián đoạn. Dữ liệu được sắp xếp theo cấu trúc bảng, cột, trường, hàng...thường xuyên được sao lưu và phục hồi nhằm đảm

bảo tính liên tục của dữ liệu ngay cả khi có sự cố xảy ra.

- *Tính sẵn sàng*: Người sử dụng có thể dễ dàng truy cập vào nguồn dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi dữ liệu được phép tiếp cận, bao gồm các thông tin, các tài liệu liên quan có trong nguồn dữ liệu. Cơ sở dữ liệu luôn ở trạng thái sẵn sàng cho phép người sử dụng tiếp cận thông tin khi có nhu cầu.

- *Tính tin cậy*: Do dữ liệu đăng ký doanh nghiệp lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý về doanh nghiệp nhưng bản chất của dữ liệu lại thường dễ dàng bị thay đổi và sao chép nên mỗi người sử dụng chỉ có thể được truy cập trong phạm vi giới hạn theo phân quyền của tài khoản truy cập.

- *Tính toàn vẹn*: Dữ liệu luôn được đảm bảo tính chính xác, tính đầy đủ và toàn vẹn. Các thông tin và các phương pháp xử lý thông tin luôn nhất quán và không thay đổi trong quá trình tiếp nhận, xử lý, sao lưu và phục hồi dữ liệu nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu. Các biện pháp phòng chống rủi ro và các biện pháp an ninh luôn được thực hiện định kỳ và liên tục nhằm đảm bảo sự toàn vẹn này.

- Hình thức:

Trong công tác đăng ký doanh nghiệp, thông tin đăng ký doanh nghiệp bao gồm các thông tin về con số như: ngày sinh, số chứng minh nhân dân, số vốn đăng ký,... và các ký tự biểu hiện, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, tên doanh nghiệp,... các hình ảnh có thể kể đến là: bản chụp các giấy tờ chứng thực cá nhân,... Như vậy, có thể thấy các con số, ký tự và hình ảnh nêu trên chính là dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, có hai hình thức đăng ký doanh nghiệp là đăng ký trực tiếp và đăng ký trực tuyến, theo đó thì dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được biểu hiện dưới hai dạng khác nhau là tài liệu giấy và tài liệu điện tử.

Tài liệu giấy là các thông tin đăng ký doanh nghiệp được in và truyền tải dưới dạng các bản giấy. Về mức độ sử dụng, tài liệu dưới dạng này được dùng phổ biến từ trước tới nay trong công tác đăng ký doanh nghiệp. Tài liệu này có ưu điểm là dễ thực hiện và mang tính phổ cập, tuy nhiên nhược điểm là khó

khẩn trong công tác bảo quản, lưu trữ và truy vấn các thông tin khi cần thiết.

Tài liệu điện tử là các thông tin đăng ký doanh nghiệp được biểu hiện dưới dạng các tập tin điện tử. Kiểu tài liệu này có tính khoa học, hiện đại và là sản phẩm của công nghệ thông tin. Tài liệu điện tử và mức độ sử dụng tài liệu hiện nay chưa được phổ cập rộng rãi, tuy nhiên, tài liệu này có ưu điểm là tiện dụng, có thể gửi, truyền và cung cấp cho người sử dụng trong thời gian ngắn và không giới hạn khoảng cách nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy. Một ưu điểm nữa là tài liệu điện tử dễ lưu trữ, bảo quản và truy cập thông tin khi cần thiết.

#### **4. Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đã lần đầu tiên quy định và pháp lý hóa quy định về cơ sở dữ liệu, tuy nhiên phải đến khi Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được ban hành thì khái niệm về chuẩn hóa dữ liệu mới được đề cập. Theo đó khái niệm về chuẩn hóa dữ liệu tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được hiểu như sau: “*Chuẩn hóa dữ liệu là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*”.

Như vậy, có thể thấy chuẩn hóa dữ liệu là một quá trình thực hiện gồm nhiều bước mà qua đó các thông tin đăng ký doanh nghiệp sẽ được tiến hành rà soát, kiểm tra, đối chiếu, bổ sung nhằm đảm bảo cho thông tin đăng ký doanh nghiệp được đầy đủ và có độ chính xác, độ tin cậy cao.

#### **5. Quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

Điều 16 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định về một trong những nội dung quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “*Hướng dẫn Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*”. Cùng với đó, Điều 14 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đăng ký kinh doanh: “*Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký*

*doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”.*

Như vậy, quản lý công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp chính là nội dung của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

### **5.1. Khái niệm**

Như đã phân tích ở phần khái niệm về đăng ký doanh nghiệp thì đăng ký doanh nghiệp chính là việc người thành lập doanh nghiệp thực hiện bước đăng ký các thông tin dự kiến thành lập hoặc thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh, cùng với đó là các thông tin đăng ký được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Và cũng tại khái niệm về dữ liệu đăng ký doanh nghiệp thì dữ liệu chính là hình thức thể hiện của các thông tin đăng ký doanh nghiệp biểu hiện dưới dạng các con số, ký tự, hình ảnh hay các kết quả khác.

Như vậy, trường hợp thông tin của người thành lập doanh nghiệp đăng ký chính xác hoặc thông tin đăng ký doanh nghiệp được cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận chính xác thì dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu là chính xác. Trường hợp các thông tin đăng ký doanh nghiệp mà người thành lập doanh nghiệp đăng ký không chính xác hoặc không thực hiện cập nhật khi có thay đổi hoặc do sai lệch từ phía cơ quan đăng ký kinh doanh thì dữ liệu đăng ký doanh nghiệp có tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là không chính xác.

Hiện nay, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp đã có quy định cụ thể về việc chuẩn hóa dữ liệu (hiệu đính thông tin, cập nhật, bổ sung thông tin) trong quá trình cấp đăng ký doanh nghiệp tại các Điều, như sau:

- Điều 13: Hiệu đính thông tin đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Điều 14: Hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được



cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác

- Điều 15: Cập nhật, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

- Điều 17: Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Do đó, có thể thấy việc quản lý thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp ngay từ bước đăng ký là hết sức quan trọng và cần thiết, nó giúp cho cơ quan đăng ký kinh doanh có được một cơ sở dữ liệu về thông tin pháp lý của doanh nghiệp được cập nhật, chính xác có độ tin cậy và là nền tảng cho các cơ quan quản lý có liên quan đến doanh nghiệp cập nhật, trao đổi thông tin để nắm bắt, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

Nghiên cứu khái niệm về quản lý nhà nước, có thể nhận thấy quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là một trong những nội dung của quản lý nhà nước. Qua đó, có thể hiểu khái niệm quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, như sau:

*“Quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là một trong những nội dung của quản lý nhà nước, trong đó, đối tượng quản lý là dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.”*

*Quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của nhà nước nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả nhất công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp”.*

## **5.2. Mục tiêu quản lý**

Với sự phát triển nhanh chóng của khu vực doanh nghiệp, công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp nói chung và công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp nói riêng đã được đổi mới và từng bước hoàn thiện theo hướng phù hợp với nền kinh tế thị trường, góp phần quan trọng vào sự phát triển và nâng cao vai trò của các doanh nghiệp trong nền kinh tế; đồng thời phát huy các nguồn nội lực, khơi dậy ý thức lập nghiệp cho người dân, tạo

thêm nhiều cơ hội cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cũng còn một số hạn chế: chưa có sự chỉ đạo quyết liệt và sự quan tâm của lãnh đạo một số địa phương trong thực hiện; việc bố trí, sắp xếp nguồn lực thực hiện chưa tương xứng với khối lượng công việc triển khai; việc tổ chức, phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong triển khai còn hình thức;... Do đó, kết quả triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Để có thể minh bạch hóa môi trường kinh doanh đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp, việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là một nhu cầu cấp thiết.

Do vậy, mục tiêu của quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là:

*Thứ nhất*, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Qua đó nắm bắt thực trạng đăng ký của doanh nghiệp, tình hình hoạt động của doanh nghiệp từ đó là cơ sở cho việc đưa ra các chính sách, giải pháp nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tiến hành sản xuất, kinh doanh đảm bảo sự phát triển hài hòa, cân bằng của doanh nghiệp với xã hội.

*Thứ hai*, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

Thông qua công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu, chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp ngày càng được hoàn thiện là nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

*Thứ ba*, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh.

Nhà nước có thể công khai, minh bạch hóa được các thông tin đăng ký doanh nghiệp, qua đó xây dựng hệ thống văn bản pháp luật mới về kiểm tra, giám sát nhằm đổi mới tư duy quản lý, đảm bảo tính răn đe và xây dựng mô hình giám sát có sự tham gia của cộng đồng xã hội.

### **5.3. Nguyên tắc quản lý**

Là một trong những nội dung của quản lý nhà nước, nên các nguyên tắc

của quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp hoàn toàn tuân thủ và bám sát các nguyên tắc trong quản lý nhà nước.

### *5.3.1. Nguyên tắc tập trung dân chủ*

Đây là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của nhà nước nên thực hiện quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp phải tuân theo nguyên tắc này. Nguyên tắc này bao hàm hai yếu tố tập trung và dân chủ, vừa đảm bảo sự lãnh đạo tập trung trên cơ sở dân chủ, vừa đảm bảo dân chủ dưới sự lãnh đạo tập trung.

Nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện quan hệ trực thuộc, chịu trách nhiệm và báo cáo của cơ quan quản lý trước cơ quan cấp trên, phân định chức năng, thẩm quyền giữa cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của cơ quan cấp trên và quyền chủ động của cơ quan cấp dưới. Trong quản lý về đăng ký doanh nghiệp nói chung và quản lý về dữ liệu đăng ký doanh nghiệp nói riêng, điều này thể hiện ở việc cơ quan cấp trên phải thường xuyên kiểm tra cấp dưới trong việc thực hiện các quyết định và chỉ thị của cơ quan cấp trên và cơ quan cấp dưới thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên giữa cấp trên và cấp dưới về hoạt động chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp; đảm bảo kỷ luật nghiêm minh trong tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước.

### *5.3.2. Nguyên tắc đảm bảo người dân, doanh nghiệp tham gia vào công tác quản lý*

Điều 28, Hiến pháp 2013 quy định rõ: “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội,...”. Nguyên tắc này thể hiện bản chất của bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa là của dân, do dân và vì dân. Thực hiện nguyên tắc này không những tạo ra khả năng phát huy sức lực và trí tuệ của nhân dân mà còn là một trong những phương pháp tốt để ngăn chặn tệ quan liêu, cửa quyền trong quản lý nhà nước; bên cạnh đó, đảm bảo sự cạnh tranh và minh bạch của môi trường doanh nghiệp.

Trong công tác chuẩn hóa dữ liệu, ngoài việc thực hiện đúng và tuân thủ các quy định của cán bộ nhà nước thì đòi hỏi còn phải có sự chấp hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp. Trên thực tế, hiện nay một số

doanh nghiệp thường không tuân thủ nguyên tắc phải đăng ký lại các thông tin đã thay đổi cho các cơ quan quản lý, dẫn đến tình trạng thông tin đăng ký của doanh nghiệp tại cơ quan quản lý và thực tế là khác nhau. Vì vậy, để giám sát được việc tuân thủ các quy định của doanh nghiệp nói trên cần phải có sự tham gia của các đối tác, bạn hàng và cộng đồng doanh nghiệp. Do đó, để công tác chuẩn hóa dữ liệu có hiệu quả cần phải có người dân, doanh nghiệp tham gia vào công tác quản lý, và đây cũng chính là một trong những nguyên tắc thực hiện trong công tác quản lý.

Hiện nay, nguyên tắc này đang được tích cực triển khai trong công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp thông qua việc xã hội hóa giám sát hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc công khai thông tin doanh nghiệp. Đây chính là việc huy động và khuyến khích các chủ thể có liên quan đến doanh nghiệp (chủ thể trong doanh nghiệp; chủ nợ và bạn hàng; các đối thủ cạnh tranh; các hội, hiệp hội; công luận) cùng tham gia với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình giám sát hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo cho việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

### *5.3.3. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý*

Đây là nguyên tắc thể hiện nguyên lý căn bản của tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Việc tổ chức hoạt động quản lý về hành chính trước hết phải đảm bảo hợp pháp, tức là phải tuân theo pháp luật.

Trong việc ban hành các văn bản pháp luật về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, các cơ quan hành chính nhà nước phải tôn trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa, tức là nội dung văn bản pháp luật ban hành không được trái với hiến pháp và văn bản luật, chỉ được ban hành những văn bản pháp luật trong phạm vi thẩm quyền và hình thức, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Về việc áp dụng các quy phạm pháp luật phải phù hợp với yêu cầu của luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác, áp dụng pháp luật phải đúng nội dung, mọi vi phạm phải được xử lý theo pháp luật.

Trong thực hiện quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh

nghiệp, mọi chủ thể quản lý hành chính nhà nước phải chịu trách nhiệm do những sai phạm của mình trong hoạt động quản lý, xâm phạm đến lợi ích tới quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công dân, doanh nghiệp và phải chịu trách nhiệm bồi thường.

#### **5.4. Nội dung cơ bản của quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

Điều 16 Nghị định 78/2015/NĐ-CP quy định nội dung cơ bản của quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp, là một trong những nội dung của quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, do đó có thể khái quát hóa các nội dung quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Xây dựng quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.
- Tổ chức bộ máy quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.
- Kiểm soát việc thực thi chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

##### **5.4.1. Xây dựng quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền, được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng đã nhấn mạnh: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh,...”. Như vậy, việc sử dụng pháp luật và các công cụ chính sách để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước là cần thiết, phù hợp với Hiến pháp, quan điểm của Đảng ta và tình hình nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là một trong những nội dung của quản lý nhà nước, do đó, để thực hiện công tác quản lý trước hết chúng ta là phải xây dựng và tạo môi trường pháp lý, xây dựng thể chế, pháp luật để quy định về một sân chơi cho doanh nghiệp, cơ sở để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý. Đó chính là việc xây dựng và ban hành các văn bản luật, các văn bản dưới luật về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp một cách đầy đủ, đồng

bộ, chặt chẽ, có tính khả thi cao. Là điều kiện cần để chúng ta có thể tiến hành các bước của quá trình quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo. Cùng với đó, trong quá trình quản lý sẽ phát sinh nhiều vấn đề mới, các vướng mắc cần được giải quyết nên cần thực hiện tổng kết, đánh giá quá trình triển khai nhằm chỉ ra những điều chưa hợp lý, các vấn đề cần bổ sung nhằm sửa đổi, điều chỉnh và dần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật.

Việc xây dựng các văn bản pháp luật còn là để thể hiện ý chí của Nhà nước về nội dung chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, theo đó chỉ ra các yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp phải thực hiện và tuân thủ trong quá trình ra nhập thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh, các quyền của doanh nghiệp chủ động được thực hiện. Đó cũng chính là các phương tiện để cưỡng chế hay chế tài để xử phạt các vi phạm nếu có của doanh nghiệp đồng thời là công cụ để Nhà nước duy trì công tác quản lý đảm bảo cho việc thực thi các mục tiêu kinh tế. Là cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế vùng, ngành nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và từng bước nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, việc ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo phục vụ công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp là nhằm thống nhất về nghiệp vụ trong công tác quản lý nhà nước đăng ký doanh nghiệp từ trung ương xuống địa phương. Qua đó, loại bỏ tư tưởng chỉ đạo bằng bằng các mệnh lệnh hành chính và thay vào đó là hệ thống pháp luật quy định thông qua các văn bản, kế hoạch triển khai, từ đó tránh được các quan liêu của cán bộ đăng ký kinh doanh, tăng cường tính công khai, minh bạch trong công tác cấp đăng ký doanh nghiệp.

#### *5.4.2. Tổ chức bộ máy quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp*

Bộ máy cơ quan đăng ký kinh doanh hiện nay có ở ba cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện, tuy nhiên chỉ có cơ quan đăng ký kinh doanh cấp trung ương và cấp tỉnh là thực hiện công tác về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, trong đó cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là cơ quan trực tiếp quản lý và thực hiện nhiệm vụ chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Việc tổ chức bộ máy làm công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là hết sức cần thiết và quan trọng. Nó đảm bảo cho việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh và trên hết là đảm bảo cho việc thực hiện quyền lực của Nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp. Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp và thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đó thông qua bộ máy tổ chức bao gồm con người, nguồn lực và các trang thiết bị phục vụ yêu cầu công tác, cơ chế phối hợp quản lý, lãnh đạo chỉ đạo và phân cấp nhiệm vụ.

Tổ chức bộ máy con người phải đảm bảo về năng lực, trình độ và đủ về số lượng so với yêu cầu công việc. Việc tổ chức bộ máy không đảm bảo số lượng cán bộ theo khối lượng công việc trong công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp sẽ gây tình trạng quá tải, chất lượng công việc không đáp ứng yêu cầu, giảm hiệu quả công việc, khó đạt được mục tiêu quản lý hoặc tình trạng dư thừa cán bộ. Việc thiếu cán bộ trong công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp hoặc không chuyên sâu sẽ dẫn đến tình trạng cán bộ không có thời gian dành cho việc đào tạo nghiệp vụ dẫn đến năng lực chuyên môn không đáp ứng công việc, gây ra các tác động xấu đến quá trình chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Cùng với vấn đề nhân sự, việc bố trí nguồn lực và các phương tiện, trang thiết bị không đầy đủ, phù hợp và kịp thời có thể ảnh hưởng chất lượng công việc khi công việc không được giải quyết một cách đồng bộ, dứt điểm. Việc tổ chức bộ máy phải đảm bảo rõ người rõ việc, công tác phối hợp trong thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp phải rõ ràng và dễ thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng và đủ.

Việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là hết sức cần thiết.

*Thứ nhất*, tránh được sự lãng phí nguồn lực của Nhà nước cho việc triển khai thực hiện chức năng quản lý của mỗi đơn vị.

*Thứ hai*, thống nhất cách thức thực hiện quản lý theo ngành, lĩnh vực,

tránh được sự trùng chéo và chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả.

*Thứ ba*, thực hiện việc quản lý nhà nước đảm bảo không làm xáo trộn các hoạt động của doanh nghiệp hay ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Thứ tư*, việc quản lý phải có tác dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển, như: hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ công nghệ, kỹ thuật, hỗ trợ đào tạo chuyên môn,... cùng với đó, là việc giám sát, xử lý các vi phạm nếu có của doanh nghiệp trong hoạt động về các vấn đề: thuế, lao động, môi trường,...

#### *5.4.3. Kiểm soát quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp*

Kiểm soát việc quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp bao gồm hai nội dung là: kiểm soát việc thực thi chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp và việc chấp hành thực hiện các quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước.

Kiểm soát việc thực thi chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp mục đích là nhằm xem xét việc chấp hành các quy định về quản lý trong công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, từ đó đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đạt hiệu quả cao; bên cạnh đó, có thể rà soát và phát hiện những điểm còn bất cập trong cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Từ đó, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy các nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Kiểm soát việc thực thi chuẩn hóa đăng ký doanh nghiệp được thực hiện thông qua hình thức kiểm tra, giám sát. Tùy theo chức năng nhiệm vụ quản lý của các chủ thể quản lý mà nội dung thực hiện kiểm tra, giám sát khác nhau. Nội dung kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp có thể được khái quát như sau:

- Kiểm tra, giám sát đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ chấp hành quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.



- Phát hiện, lập biên bản các vi phạm pháp luật và xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước đối với công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện luật, kiến nghị của kiểm tra; các quyết định xử lý sau kiểm tra.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; việc chấp hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của các chủ thể tham gia quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cũng tùy theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của các chủ thể quản lý mà có sự khác nhau. Hoạt động kiểm tra, giám sát phải tuân thủ theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, khoa học, trung thực, công khai, minh bạch và kịp thời.

Với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp, phương thức quản lý theo lối “năng lực quản lý đến đâu thì mở đến đó” đã từng bước được thay thế bằng “năng lực quản lý phải được xây dựng, tăng cường đủ mức thúc đẩy và quản lý được quá trình phát triển”. Phương thức quản lý nhà nước theo hướng kiểm tra, kiểm soát là chủ yếu đang từng bước được thay thế bằng phương thức hợp tác và tạo điều kiện là chủ yếu. “Chế độ tiền kiểm” dần được chuyển sang “tiền đăng - hậu kiểm”. Do đó, việc kiểm tra chấp hành thực hiện các quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được đổi mới trên cơ sở đảm bảo quyền tự do kinh doanh và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của đa số doanh nghiệp.

## ***5.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

### ***5.5.1. Các yếu tố nội tại của cơ quan quản lý***

a) Ban hành các quy định hướng dẫn về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

Trong quá trình thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu, các cơ quan quản lý

nhà nước về đăng ký doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ ban hành văn bản, quy định hướng dẫn về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, đây là cơ sở cho việc tổ chức thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Thực tiễn cho thấy, hệ thống khung khổ pháp luật về đăng ký doanh nghiệp bao gồm các Luật, Nghị định, Thông tư và các Quyết định quy định về đăng ký doanh nghiệp không phải bao giờ cũng bao quát được các vấn đề phát sinh liên quan đến đăng ký doanh nghiệp trong thực tế. Việc giải quyết các vấn đề, tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể để áp dụng luật và các văn bản có liên quan, tuy nhiên, cũng có những tình huống nằm ngoài phạm vi hoặc chưa được quy định trong luật, do đó, cần phải có văn bản cụ thể hướng dẫn của cơ quan quản lý về đăng ký doanh nghiệp.

Do vậy, việc ban hành văn bản và các quy định hướng dẫn về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp là một yếu tố có ảnh hưởng đến công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Yếu tố này đòi hỏi phải có tính chính xác và tính kịp thời, nếu một vấn đề phát sinh liên quan đến chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp không được hướng dẫn giải quyết chính xác thì nó sẽ gây ra hậu quả. Ngoài ra, nếu vấn đề mang tính chất cấp bách mà không được giải quyết kịp thời thì cũng đem lại hậu quả không mong muốn.

Tóm lại, thực hiện tốt việc ban hành văn bản và quy định hướng dẫn sẽ có tác động tích cực và mang lại hiệu quả cho công tác quản lý, còn nếu không nó sẽ có tác động ngược lại.

#### b) Tổ chức bộ máy thực thi chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

Bộ máy thực thi là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Việc tổ chức tốt một bộ máy triển khai có tính quyết định đến việc thực thi và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, ở nước ta bộ máy quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được tổ chức, gồm:

- Ở cấp Trung ương:

Bộ máy đầu mối, chuyên trách về thực hiện công tác quản lý nhà nước về

chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh). Cục Quản lý đăng ký kinh doanh được thành lập ngày 09/9/2010 theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thực hiện theo Quyết định số 1899/QĐ-BKH ngày 08/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cơ cấu tổ chức của Cục gồm 6 đơn vị, các chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được quy định tại Quyết định số 135/QĐ-ĐKKD ngày 08/8/2011 của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh. Các đơn vị thuộc Cục có mối quan hệ chặt chẽ, phối hợp và gắn kết đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của Cục và Bộ trong công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp.

- Ở cấp địa phương:

Cơ quan quản lý trực tiếp về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh). Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, theo phân cấp của cơ quan cấp trên. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là cơ quan duy nhất có chức năng cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu và cũng là cơ quan quản lý và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu.

Việc tổ chức bộ máy chuyên trách trong công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là thực sự cần thiết, đây là cơ quan đảm nhận chức năng nghiên cứu, tham mưu về số liệu đăng ký doanh nghiệp cho Nhà nước về các cơ chế, chính sách về đăng ký doanh nghiệp như xây dựng văn bản pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, kiến nghị cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan và xây dựng quy định về kiểm tra, giám sát, tổ chức hướng dẫn thực hiện công tác đăng ký doanh nghiệp cho các địa phương.

c) Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ công chức

Đội ngũ cán bộ công chức nhà nước làm công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là những người tham gia xây dựng các văn bản, quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp và cũng là những người trực

tiếp thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Do đó, năng lực, trình độ của các cán bộ công chức nhà nước là một trong những yếu tố quan trọng có tác động và ảnh hưởng đến việc công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Do đó, độ ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý đòi hỏi phải có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu và am hiểu các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước, có kinh nghiệm thực tế. Để làm được điều này thì ngoài việc tự nghiên cứu, học tập, bổ sung kiến thức thì trong quá trình công tác, đội ngũ cán bộ công chức nhà nước phải thường xuyên được kiểm tra, đánh giá lại năng lực và trình độ chuyên môn. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý cử các cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, tập huấn để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức các chương trình tọa đàm, trao đổi nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tế.

Bên cạnh đó, việc trực tiếp tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp thì cán bộ công chức cũng còn trực tiếp thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu, do vậy, cùng với việc tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức thì đội ngũ cán bộ công chức cũng phải tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, nâng cao bản lĩnh chính trị để không thể hiện ý chí chủ quan, không cửa quyền trong công việc.

Như vậy, năng lực, trình độ của các cán bộ công chức là yếu tố quan trọng góp phần thành công vào công tác quản lý nhà nước về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, vì thế, việc đào tạo con người nói chung hay đội ngũ cán bộ công chức nói riêng cần được quan tâm, chú trọng.

#### *5.5.2. Các yếu tố bên ngoài cơ quan quản lý*

##### *a) Pháp luật, chính sách của Nhà nước về đăng ký doanh nghiệp*

Trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, chính sách quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội trong đó có lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp. Việc ban hành các văn bản pháp luật về đăng ký doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành là cơ sở cho các cơ quan chức năng nhà nước thực thi và giải quyết các vấn đề về đăng ký doanh nghiệp, trong đó có triển khai thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu.

Trước đây, sự thiếu phối hợp hoặc phối hợp không đồng bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước nói chung và các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế trong công tác đăng ký doanh nghiệp đã không mang lại hiệu quả cao trong triển khai, dẫn đến chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp ở mức thấp, không mang lại nhiều giá trị trong công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp. Hiện nay, việc trao đổi, đồng bộ thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế đã được pháp lý hóa tại Nghị định, qua đó xóa bỏ được nhiều khâu công việc, thủ tục bất hợp lý, giảm bớt các giấy tờ cần thiết để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục gia nhập thị trường cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo tốt cho công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nhiệm vụ thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

#### b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020 tại Đại hội XII của Đảng đã nêu rõ:

Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước. Tập trung tạo dựng thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường. Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân trong hoàn thiện và thực thi thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh

và tính tự chủ của nền kinh tế.

Từ quan điểm trên, Đại hội XII cũng đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp:

- *Về doanh nghiệp nhà nước*: Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động theo cơ chế thị trường, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- *Về doanh nghiệp tư nhân*: Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên.

- *Về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*: Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỉ lệ nội địa hoá cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế.

- *Về kinh tế hợp tác*: Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng và để thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, thì cần xây dựng các văn bản pháp luật, chính sách quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp một cách có trọng tâm, trọng điểm nhằm hoàn thiện và khai thác, sử dụng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp có hiệu quả phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### c) Yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc thực hiện đường lối đối ngoại cùng với quá trình hội nhập đã tăng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, chúng ta cũng đã thu hút được một số lượng đáng kể vốn đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển chính thức quốc tế; tiếp thu những thành tựu mới về khoa học, công nghệ cũng như kinh nghiệm và kỹ năng quản lý. Xây dựng một đội ngũ

công chức, viên chức nhà nước và đội ngũ quản lý kinh doanh từng bước thích ứng với điều kiện và môi trường mới tạo tiền đề để tham gia một cách tích cực hơn, chủ động hơn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế chúng ta còn gặp không ít khó khăn, thách thức. Môi trường kinh doanh ở nước ta tuy đã được cải thiện đáng kể song về nhiều mặt còn hạn chế như hệ thống pháp luật còn thiếu và chưa đồng bộ chưa đủ rõ ràng và nhất quán. Bộ máy hành chính còn nhiều khe, những nhiễu, quan liêu; tệ tham nhũng có phần tinh vi, phức tạp hơn. Các doanh nghiệp chỉ chú trọng vào hoạt động kinh doanh mà ít được chú trọng vào việc chấp hành và tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

Do vậy, để khắc phục những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, việc đổi mới công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp chính là một yêu cầu cấp thiết cần phải thực hiện. Để đạt được điều đó, trước hết cần phải thực hiện tốt công tác quản lý về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, qua đó tạo dựng được một cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp hoàn chỉnh, đầy đủ và có giá trị pháp lý là cơ sở phục vụ cho công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp có hiệu quả hơn đồng thời có thể công khai minh bạch thông tin để tăng cường sự tham gia giám sát của người dân và xã hội.

#### d) Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 2011 - 2015, bên cạnh những thành tựu nổi bật đạt được thì lĩnh vực môi trường đầu tư, kinh doanh cũng được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng ngày càng hiệu quả các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được tăng cường. Năng lực cạnh tranh có bước được nâng lên. Vai trò kinh tế ngoài nhà nước ngày càng được phát huy, đóng góp 39% tổng đầu tư toàn xã hội và khoảng 50% GDP.

Sau 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy đã đạt được những thành quả quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Do đó, cần tiếp tục phát huy các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp cũng phải thay đổi để phù hợp và thích ứng với từng thời kỳ và hoàn cảnh, đặc biệt là trong việc xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách về quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

#### đ) Cơ chế phối hợp thực thi giữa các cơ quan

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp và cụ thể là lĩnh vực chuẩn hóa dữ liệu, cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý các cấp có vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả của công tác quản lý, cụ thể:

- Cơ chế phối hợp tạo cơ sở cho việc thi hành luật cũng như các văn bản quy phạm pháp luật trong thực tế đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất, giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp.

- Thực hiện cơ chế phối sẽ tạo được sự thống nhất và sự tham gia đầy đủ của các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp qua đó tránh bỏ sót các nhiệm vụ, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm các quyền doanh nghiệp.

- Cơ chế phối hợp phát huy được các nguồn lực và sức mạnh của tập thể để tập trung và xử lý có hiệu quả những vấn đề khó khăn, phức tạp trong quản lý đăng ký doanh nghiệp mà đối với một người, một cơ quan, tổ chức không thể giải quyết được.

#### e) Năng lực, trình độ phát triển của doanh nghiệp

Sau hơn 10 năm gia nhập WTO, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam đã tăng lên đáng kể, nhiều doanh nghiệp đã năng động, nhạy bén, mạnh dạn hơn trong việc tham gia vào thị trường thế giới. Trình độ quản lý, tay nghề của khối doanh nghiệp tăng lên; sản phẩm xuất khẩu bắt đầu chiếm lĩnh thị



trường thế giới. Nhiều doanh nghiệp đã trụ vững trước những biến động, khó khăn của nền kinh tế trong nước và những tác động tiêu cực từ khủng hoảng tài chính, suy thoái của nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, do tăng nhanh về số lượng, trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho sự ra đời và hoạt động, nên những hạn chế của doanh nghiệp như thiếu hụt vốn; chất lượng lao động thấp, đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp ít được đào tạo; công nghệ lạc hậu, năng suất thấp; trình độ am hiểu luật pháp, hệ thống thị trường còn yếu... ngày càng bộc lộ rõ khi nền kinh tế thế giới trong tình trạng suy thoái. Những khó khăn này đã tạo ra biến động lớn, tác động đến khả năng chống đỡ của doanh nghiệp dẫn đến số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản ngày càng nhiều. Cùng với đó ý thức chấp hành pháp luật về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp đã ngừng hoạt động không thực hiện kê khai đăng ký với các cơ quan quản lý, đã dẫn đến tình trạng đăng ký doanh nghiệp bị sai lệch và cơ quan quản lý không có được nguồn thông tin chính xác về doanh nghiệp để đưa ra các biện pháp hỗ trợ hoặc xử lý.

Trước bối cảnh này, công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp cần phải thay đổi để phù hợp và thích ứng với từng thời kỳ và hoàn cảnh, đặc biệt là trong việc xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách về quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

#### f) Sự phát triển của hệ thống công nghệ - thông tin

Công nghệ thông tin là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của thế giới hiện đại. Với sự phát triển của công nghệ thông tin như ngày nay, việc trao đổi thông tin diễn ra một cách nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu, con người có nhiều điều kiện tiếp cận với công nghệ tiên tiến hơn. Hầu hết các ngành nghề, các lĩnh vực hay hoạt động trong xã hội hiện đại cũng cần tới sự góp mặt của công nghệ thông tin. Bởi sự đa dạng ấy, đối tượng phục vụ của công nghệ thông tin ngày càng phong phú. Do vậy, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là phương tiện chủ lực đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước.

Hiện nay, công tác đăng ký doanh nghiệp đã được tin học hóa một cách toàn diện, theo đó toàn bộ quá trình cấp đăng ký doanh nghiệp cũng như quá trình xử lý đã được thực hiện qua hệ thống thông tin, điều đó giúp cho các cơ quan quản lý thực hiện công việc được chính xác, thuận lợi. Công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là một nội dung của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp do vậy cũng đòi hỏi phải được tin học hóa, qua đó toàn bộ quá trình thực hiện công tác chuẩn hóa phải được thực hiện qua hệ thống.

### ***5.6. Tiêu chí đánh giá kết quả chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

Công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp triển khai với mục đích nâng cao chất lượng dữ liệu đăng ký đảm bảo tính đầy đủ của thông tin, tính chính xác của thông tin và tính thống nhất của các thông tin đã đăng ký. Do đó, việc đánh giá chất dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trước và sau triển khai công tác chuẩn hóa sẽ phản ánh rõ hiệu quả của công tác triển khai chuẩn hóa. Việc đánh giá phải dựa trên bộ công cụ đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm các tiêu chí như sau:

- *Tính đầy đủ thông tin:*

Bắt kỳ một trường thông tin nào của doanh nghiệp không có dữ liệu thì sẽ tính doanh nghiệp đó bị trống trường thông tin.

Tiêu chí này phản ánh hiệu quả quản lý đối với công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp triển khai tốt, có hiệu quả thì số lượng doanh nghiệp trống thông tin sau khi triển khai sẽ thấp hơn so với tỷ lệ trước khi triển khai.

- *Tính chính xác thông tin:*

+ Định dạng số: Kiểm tra dữ liệu không phải dạng số mà dạng ký tự thì tính là vi phạm định dạng số.

+ Định dạng ngày tháng: Kiểm tra định dạng dữ liệu ngày tháng của doanh nghiệp nếu định dạng dữ liệu không đúng định sẽ tính doanh nghiệp đó vi phạm định dạng dữ liệu ngày tháng.

+ Ký tự đặc biệt: Trong dữ liệu một số trường thông tin của doanh nghiệp mà có ký tự đặc biệt như: #!%&\*.. sẽ tính doanh nghiệp đó vi phạm quy tắc có ký tự đặc biệt.

+ Tên không viết hoa: Kiểm tra tên doanh nghiệp, tên người đại diện của doanh nghiệp nếu tên không viết hoa thì tính doanh nghiệp đó sai tên.

Dữ liệu đăng ký doanh nghiệp chính là hình thức thể hiện của thông tin đăng ký doanh nghiệp, dữ liệu càng chính xác thì thông tin chính xác và có giá trị. Do vậy, công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tốt có hiệu quả thì tính chính xác của dữ liệu càng cao.

- *Tính thống nhất thông tin:*

+ Tính nhất quán thông tin: Kiểm tra tỷ lệ vốn góp của thành viên góp vốn, số lượng cổ phần của từng cổ đông, Tỷ lệ vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ . Nếu tổng số các thành phần không bằng tổng số vốn thì sẽ tính doanh nghiệp đó sai tính thống nhất dữ liệu.

+ Trùng lặp dữ liệu: Kiểm tra Mã số doanh nghiệp, Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt. Nếu có sự trùng lặp trên toàn bộ dữ liệu cả nước thì tính doanh nghiệp đó vi phạm trùng lặp dữ liệu.

Dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là hình thức thể hiện của thông tin đăng ký doanh nghiệp, do đó dữ liệu khi được lưu trữ phải đảm bảo tính thống nhất. Công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tốt có hiệu quả thì tính thống nhất của dữ liệu càng cao.

## **6. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

### **6.1. Kinh nghiệm quốc tế**

Qua nghiên cứu, cho thấy bên cạnh những nỗ lực to lớn của các cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong nước, thì kinh nghiệm và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế đóng vai trò tích cực trong quá trình cải cách môi trường kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường, góp phần khơi thông các nguồn lực phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Các tổ chức quốc tế là cầu nối, là chất xúc tác cho việc chia sẻ, chuyển giao kinh nghiệm, kiến thức về các mô hình cải cách thành công trên thế giới cho các cơ quan hoạch định chính sách về đăng ký doanh

nghiệp tham khảo học tập. Những thiết kế cấu trúc cơ bản của hệ thống pháp luật về đăng ký kinh doanh của Na Uy, nguyên tắc phân phối thông tin theo cơ chế thị trường của Singapore, Malaysia; những giải pháp số hóa tài liệu và ứng dụng chữ ký điện tử trong đăng ký qua mạng của Thụy Điển,... chính là những bài học quý báu để nghiên cứu, áp dụng tại Việt Nam.

- **Tại Na Uy**

Cục Đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm đăng ký cho tất cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước tại Na Uy. Việc đăng ký nhằm đảm bảo sự bảo hộ pháp lý đối với tên gọi của doanh nghiệp, địa vị pháp lý của doanh nghiệp và cung cấp thông tin về tổng quan tài chính của một doanh nghiệp. Đây cũng là một nguồn quan trọng chuyên cung cấp thông tin cho bất cứ ai cần có thông tin chính xác về những đối tượng tham gia vào các doanh nghiệp và ngành nghề ở Na Uy. Tất cả các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh, bao gồm cả doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn và vô hạn đều bắt buộc phải đăng ký tại Cục Đăng ký kinh doanh. Việc đăng ký tại Cục Đăng ký kinh doanh đảm bảo cho một doanh nghiệp có được:

- Quyền vận hành một doanh nghiệp.
- Sự bảo hộ pháp lý đối với tên doanh nghiệp.
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh để có thể sử dụng như một “thẻ căn cước” trước các chủ nợ, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan thuế.

- Một mã số đăng ký kinh doanh để làm căn cứ quan trọng cho các cơ quan có thẩm quyền và phục vụ cho việc phối kết hợp giữa các cơ quan hành chính công.

- Sự chứng nhận đối với những người lãnh đạo của doanh nghiệp.

Cổng thông tin Altinn chính là cốt lõi của Chính phủ điện tử Na Uy và được coi là công cụ giao tiếp quan trọng và chủ yếu giữa Chính phủ và người dân cũng như cộng đồng doanh nghiệp. Hầu hết thông tin mà Chính phủ cần từ người dân thông qua việc thực hiện các nghĩa vụ báo cáo đều được thực hiện qua Altinn, đồng thời người dân cũng có thể khai thác các thông tin hiện đang

lưu giữ trong cơ sở dữ liệu dùng chung trong Altinn.

Như vậy, có thể thấy thông tin đăng ký của mỗi doanh nghiệp là rất quan trọng ngoài việc phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan nhà nước nó còn có giá trị phục vụ cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp và xã hội. Tại Na Uy mọi thông tin đều được thực hiện qua Cổng thông tin, do đó, việc đảm bảo chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện bởi sự giám sát của chính người dân, cộng đồng doanh nghiệp và xã hội. Đây là một cách làm có hiệu quả trong công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, mà qua đó đã huy động được cả một nguồn lực xã hội cùng tham gia giám sát.

- ***Tại Thụy Điển***

Cơ quan đăng ký kinh doanh Thụy Điển có hai chức năng chính:

*Một là*, đăng ký thành lập doanh nghiệp và hiệp hội, đăng ký những nội dung thay đổi về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, là đầu mối tiếp nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp và ra quyết định đóng cửa doanh nghiệp.

*Hai là*, cung cấp cho cộng đồng toàn bộ những thông tin được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh Thụy Điển, bao gồm: thông tin hồ sơ của các doanh nghiệp như báo cáo tài chính, giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh bằng tiếng Thụy Điển và tiếng Anh, giấy xác nhận về vị trí và vai trò của cá nhân trong một doanh nghiệp.

Để có được các thông tin chính xác, cập nhật về tình trạng pháp lý, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nghĩa vụ đăng ký và nghĩa vụ báo cáo là rất cần thiết. Cổng thông tin Verkskam được vận hành trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa 03 cơ quan: Cơ quan đăng ký kinh doanh Thụy Điển; Cơ quan Thuế; Cơ quan phát triển kinh tế vùng. Hàng tháng có khoảng 100.000 lượt truy cập vào cổng thông tin Verkskam để nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh và truy vấn thông tin về doanh nghiệp.

Cũng giống như ở Na Uy, tại Thụy Điển công tác chuẩn hóa dữ liệu nhằm đảm bảo có được một nguồn dữ liệu tốt cũng rất được quan tâm và chú trọng. Ngoài việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nghĩa vụ đăng ký và nghĩa vụ báo cáo để có được nguồn thông tin có chất lượng, thì Cổng thông tin cũng được

Thụy Điển đặc biệt quan tâm, đây là nơi giao tiếp chính giữa Chính phủ và người dân cũng như doanh nghiệp, đồng thời là kênh để mọi thành phần có thể tham gia giám sát tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó, đảm bảo các cơ quan quản lý luôn có được nguồn dữ liệu tốt nhất.

- ***Tại Malaysia***

Ủy ban doanh nghiệp Malaysia (được thành lập trên cơ sở sát nhập hai cơ quan là Cơ quan đăng ký công ty và Cơ quan đăng ký doanh nghiệp) là cơ quan quản lý trực thuộc Bộ Nội thương và Tiêu dùng của Malaysia. Cơ quan này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quá trình thành lập và đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp thông qua việc thực thi những điều khoản đã được Chính phủ quy định về việc minh bạch hoá các thông tin về doanh nghiệp. Các thủ tục đăng ký kinh doanh được quy định cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp đến đăng ký phải tìm và chọn tên cho doanh nghiệp của mình. Việc truy cập và tìm tên cho doanh nghiệp được tiến hành qua mạng. Doanh nghiệp sẽ có được kết quả tìm kiếm trong một ngày làm việc.

- Đồng thời với việc tìm tên, doanh nghiệp phải điền đầy đủ các thông tin vào mẫu đơn theo quy định, bao gồm các thông tin sau: thông tin cụ thể về người nộp hồ sơ, ngày đăng cáo bạch thành lập doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh.

- Ngoài việc kê khai đầy đủ thông tin theo đúng quy định, doanh nghiệp còn phải nộp thêm những tài liệu: điều lệ của công ty, bản cam kết của giám đốc công ty, bản cam kết của thư ký công ty, lệ phí đăng ký tùy thuộc vào mức vốn điều lệ.

Các doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh đều phải đăng ký kinh doanh tại Ủy ban doanh nghiệp Malaysia. Sau khi doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục cần thiết, Ủy ban doanh nghiệp sẽ cấp cho họ giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh theo mẫu đã quy định tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp.

Tại Malaysia để thực hiện tốt công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp nhằm xây dựng được một cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp hoàn chỉnh đảm bảo chất lượng, thì khi thành lập các doanh nghiệp phải kê khai đầy

đủ thông tin, cùng với đó sau khi được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp vẫn phải nộp các báo cáo về tài chính hàng năm theo quy định của Bộ Luật về Công ty năm 1965 và phải thông báo đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh nếu có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Như vậy, việc đảm bảo đầy đủ thông tin và có tính cập nhật được thực hiện hàng năm, qua đó công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện thuận lợi hơn và giảm thiểu các nguồn lực không cần thiết.

- ***Tại Singapore***

Singapore rất quan tâm đến việc cải cách pháp lý hướng đến mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh, giảm thiểu chi phí và gánh nặng của các thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp, phát huy vai trò giám sát doanh nghiệp của người dân và công luận. Điều đó, giúp phát huy tối đa mọi nguồn lực của thị trường, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh và cạnh tranh công bằng. Để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, Chính phủ Singapore đã coi trọng việc phát huy vai trò giám sát của người tiêu dùng đối với doanh nghiệp. Chính phủ Singapore lập ra nhiều tổ chức để thiết lập hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ mà doanh nghiệp cam kết phải áp dụng, tiến hành các chương trình giáo dục khách hàng rộng rãi, nâng cao nhận thức chung về các tiêu chuẩn dịch vụ và quyền lợi của người tiêu dùng, tiến hành các cuộc điều tra để thu thập ý kiến từ người tiêu dùng, thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ đối với từng doanh nghiệp.

Do vậy, các doanh nghiệp luôn chịu sức ép từ các khiếu nại, phản ánh của khách hàng, các bình luận về chất lượng dịch vụ của công luận... Hơn nữa, luôn có sự cạnh tranh mạnh mẽ trong cộng đồng doanh nghiệp để chứng tỏ rằng mình là doanh nghiệp tiếp thu ý kiến phản hồi từ người tiêu dùng và giải quyết những ý kiến đó một cách nhanh chóng và thỏa đáng nhất. Chính phủ Singapore còn thiết lập một khung hình phạt để đảm bảo sự tuân thủ từ các doanh nghiệp.

Như vậy, công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại Singapore thay vì chỉ có các cơ quan chức năng thực hiện thì Chính phủ đã

khuyến khích được cộng đồng doanh nghiệp và xã hội cùng tham gia để giám sát các hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời cũng khơi dậy được ý thức trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp đối với các dư luận xã hội.

## ***6.2. Bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của một số nước có thể rút ra bài học như sau:

*Thứ nhất*, pháp lý hóa quyền và nghĩa vụ của công dân liên quan đến quá trình đăng ký gia nhập thị trường theo hướng người thành lập tự chịu trách nhiệm về các thông tin đăng ký. Tạo môi trường thuận lợi khuyến khích người dân và các thành phần kinh tế tham gia giám sát hoạt động và các thông tin của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện quản lý nhà nước đối với chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

*Thứ hai*, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong việc quản lý hành chính nhà nước, đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử là công cụ hữu hiệu để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

*Thứ ba*, đổi mới công tác xây dựng pháp luật theo hướng tiếp tục thực hiện xóa bỏ tiền kiểm, đặt trọng tâm của quản lý nhà nước đối với chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vào giai đoạn sau khi thành lập nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của doanh nghiệp về chính thông tin của bản thân doanh nghiệp.

*Thứ tư*, nâng cao chế tài xử phạt các vi phạm về nghĩa vụ đăng ký và nghĩa vụ báo cáo thông tin của doanh nghiệp để đảm bảo tính răn đe, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp lý phát huy vai trò giám sát của xã hội đối với thông tin doanh nghiệp đăng ký.



## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUẨN HÓA DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

### 1. Thực trạng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

Năm 2010, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 15/4/2010 đã tạo ra một bước tiến mới trong tiến trình cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh khi quy định một khái niệm mới “*đăng ký doanh nghiệp*” được hiểu là việc hợp nhất quy trình đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với các loại hình doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp 2005. Việc hợp nhất quy trình đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế được tin học hóa toàn diện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đây là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Đến nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hiện đang lưu trữ dữ liệu của hơn 1,3 triệu doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc trên cả nước đã đăng ký thành lập, trong đó có hơn 700 nghìn dữ liệu là do chuyển đổi từ các cơ sở dữ liệu cũ tại các địa phương vào trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

#### ***1.1. Thực trạng lưu trữ dữ liệu***

Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu quốc gia trong quá trình người sử dụng nhập và thực hiện lệnh lưu thông tin đã nhập trên phần mềm đăng ký doanh nghiệp. Việc lưu trữ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu được thực hiện trực tiếp và liên tục tùy theo nhu cầu sửa đổi dữ liệu sau khi đã lưu của người sử dụng. Tương ứng với các thao tác trên phần mềm đăng ký doanh nghiệp, hệ thống sẽ lưu, sửa đổi và ghi lại thông tin về việc sửa đổi dữ liệu. Các thông tin của doanh nghiệp sẽ được lưu trong các bảng thông tin trong cơ sở dữ liệu, mỗi bảng thông tin sẽ chứa một nhóm các thông tin cụ thể về doanh nghiệp. Mỗi thông tin cụ thể trong một bảng sẽ được sắp xếp theo các cột, mỗi dòng

trong một bảng sẽ tương ứng với một doanh nghiệp. Các cột và bảng chứa các thông tin khác nhau của doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu được liên kết chặt chẽ với nhau cho phép người sử dụng có thể xem được toàn bộ thông tin của một doanh nghiệp khi cần.

Ngoài việc lưu trữ dữ liệu trực tiếp trong cơ sở dữ liệu của Hệ thống, toàn bộ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp còn được lưu trữ trên một hệ thống băng từ và ổ đĩa cứng, được sử dụng chính cho việc sao lưu dữ liệu, lưu trữ thông tin không được sử dụng thường xuyên và như một phương tiện ngoại vi để truyền thông tin từ một hệ thống này đến một hệ thống khác.

Dữ liệu của một doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm các thông tin cơ bản của doanh nghiệp như tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp (bao gồm cả các thông tin về quy trình cấp mã số doanh nghiệp được thực hiện thông qua việc kết nối với hệ thống thuế của Tổng cục Thuế), địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, các thông tin về ngành, nghề kinh doanh (bao gồm các thông tin về ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề kinh doanh mà doanh nghiệp đăng ký theo mã ngành kinh tế Việt Nam), thông tin về vốn (bao gồm loại nguồn vốn, sở hữu vốn, thời điểm góp vốn, phần vốn góp), thông tin về người đại diện theo pháp luật, chủ sở hữu (đối với Công ty TNHH một thành viên), các thành viên (đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh), các cổ đông sáng lập (đối với Công ty cổ phần), thông tin về cổ phần, thông tin về thuế, thông tin về các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp. Ngoài ra dữ liệu về một doanh nghiệp còn bao gồm các thông tin về các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

## **1.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng về quản lý, lưu trữ dữ liệu**

Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được xây dựng dựa trên cấu trúc “phi tập trung” (thin-client) và vận hành qua giao diện website. Cấu trúc “phi tập trung” mô tả mạng lưới cấu trúc máy chủ - máy trạm hoạt động phụ thuộc vào máy chủ trung tâm trong việc xử lý và truyền tải dữ liệu đầu vào và đầu ra giữa máy chủ và hệ thống các máy trạm từ xa. Việc vận hành qua giao diện web cho phép người sử dụng tiếp cận các dịch vụ của hệ thống dễ

dàng và thuận lợi thông qua kết nối mạng Internet.

Cấu trúc của hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm ba lớp: *Lớp Người sử dụng*, *Lớp Ứng dụng* và *Lớp Dữ liệu*. Mỗi lớp thể hiện sự tách biệt về chức năng hiển thị, đối tượng tham gia và luồng dữ liệu của Hệ thống thông qua sự kết nối của máy chủ và các máy trạm, cụ thể:

*Lớp Người sử dụng* gồm có các máy trạm cho phép người sử dụng thông qua đó để tiếp cận với các chức năng của hệ thống.

*Lớp Ứng dụng* gồm các máy chủ và cơ sở hạ tầng của hệ thống được đặt tại Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.

*Lớp Dữ liệu* bao gồm các máy chủ và cơ sở dữ liệu của hệ thống.

Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm hai hệ thống cơ sở dữ liệu riêng biệt với những nhóm đối tượng sử dụng khác nhau: cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cơ bản và cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trực tuyến. Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu này được phân vùng và quản lý theo trạng thái, mục đích sử dụng và mức độ cho phép hiển thị của dữ liệu. Dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trực tuyến sẽ được chuyển sang cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cơ bản khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tuyến được chấp nhận trên hệ thống.

Trang thiết bị kỹ thuật được xây dựng và cài đặt phục vụ cho việc vận hành cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

### ***1.3. Thực trạng chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

Hiện trạng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được đưa ra dựa trên kết quả thống kê về số liệu và thông tin theo các trường thông tin đánh giá. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn về các trường thông tin trong mỗi loại hình doanh nghiệp, tình hình dữ liệu đăng ký doanh nghiệp có tại thời điểm 2011 được thống kê như sau:

#### ***1.3.1. Số lượng doanh nghiệp trông trường thông tin***

Theo số liệu thống kê trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có 440.529 doanh nghiệp (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc) trông

trường thông tin, trong đó: khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi trường thông tin là 427.991 doanh nghiệp và khối dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên hệ thống là 12.538 doanh nghiệp.

**Bảng số 2: Số lượng doanh nghiệp trường thông tin của dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi và doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh nghiệp trường thông tin	
		Số doanh nghiệp chuyển đổi	Số doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống
1	Doanh nghiệp tư nhân	59.136	247
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	50.153	2.190
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	165.966	4.301
4	Công ty cổ phần	79.681	3.793
5	Công ty hợp danh	20	1
6	Chi nhánh	53.272	935
7	Văn phòng đại diện	11.307	196
8	Địa điểm kinh doanh	8.457	875
Tổng số		<b>427.991</b>	<b>12.538</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

So sánh cho từng loại hình doanh nghiệp thì thấy số lượng doanh nghiệp trường thông tin tương ứng với từng loại hình của dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi đều cao hơn so với dữ liệu doanh nghiệp thành lập trên Hệ thống. Điều này do dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi là dữ liệu lịch sử đã được hình thành trước thời điểm Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực, do đó, một số trường thông tin hiện trống là do tại thời điểm đó không có quy định phải kê khai. Bên cạnh đó, do là dữ liệu lịch sử nên việc lưu trữ dữ liệu được thực hiện thủ công tại 63 cơ sở dữ liệu khác nhau, khi chuyển đổi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì bản thân các nguồn dữ liệu chuyển đổi đã thiếu dữ liệu. Trong khi đó, dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống được kê khai đầy đủ và tương ứng với các trường thông tin theo quy định của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, các thông tin kê khai được nhập đúng quy trình và trình tự của Hệ thống nên đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn và chính xác của dữ liệu.

Thống kê số liệu theo địa phương cho thấy tất cả 63/63 địa phương đều có dữ liệu doanh nghiệp bị trùng trường thông tin, dữ liệu doanh nghiệp trùng trường thông tin hiện có ở cả hai khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi và dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống, bên cạnh đó tỷ lệ trùng thông tin của dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi chiếm tỷ lệ cao hơn so với dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống.

**Bảng số 3: Số trường thông tin trùng của dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi và doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi			Dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên HT		
		Số trường thông tin	Trường thông tin trùng		Số trường thông tin	Trường thông tin trùng	
			Số trường thông tin	Tỷ lệ (%)		Số trường thông tin	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	29	23	79,3	29	11	37,9
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	48	39	81,3	48	31	64,6
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	52	43	82,7	52	36	69,2
4	Công ty cổ phần	54	47	87	54	33	61,1
5	Công ty hợp danh	57	23	40,4	57	1	1,8
6	Chi nhánh	26	23	88,5	26	14	53,8
7	Văn phòng đại diện	25	20	80	25	11	44
8	Địa điểm kinh doanh	18	16	88,9	18	12	66,7

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Theo số liệu thống kê tại Bảng số 3 cho thấy đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống thì số lượng trường thông tin trùng dữ liệu thấp hơn so với khối dữ liệu chuyển đổi, điều này cho thấy việc đăng ký doanh nghiệp trên một Hệ thống nghiệp vụ chung đã từng bước đảm bảo được tính thống nhất và đầy đủ dữ liệu. Tuy nhiên, trên thực tế thì đối với khối dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống vẫn có một số trường thông tin còn tình trạng trùng dữ liệu, điều này có thể do một số nguyên nhân: thứ nhất, một số trường thông tin tương ứng với loại hình doanh nghiệp trong thực tế không được doanh nghiệp đăng ký có thông

tin và việc không có thông tin tại các trường này cũng gây không ảnh hưởng tới việc cấp đăng ký doanh nghiệp; thứ hai, việc thao tác các quy trình nghiệp vụ trên Hệ thống của một số cán bộ đăng ký kinh doanh chưa tuân thủ đúng quy định cũng có thể gây ra việc nhập dữ liệu không đủ thông tin đăng ký.

Việc chỉ ra số lượng doanh nghiệp và các trường thông tin trống thông tin là cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch chuẩn hóa dữ liệu cụ thể để triển khai bổ sung, cập nhật các thông tin cho các trường thông tin hiện còn bị trống. Các trường thông tin bắt buộc không được trống thông tin gồm: mã số doanh nghiệp, mã ngành kinh doanh chính và địa chỉ trụ sở doanh nghiệp:

- Mã số doanh nghiệp:

**Bảng số 4: Số lượng doanh nghiệp trống thông tin mã số doanh nghiệp theo loại hình đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống và khối chuyển đổi**

TT	Loại hình	Doanh nghiệp chuyển đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống		
		Tổng số doanh nghiệp	Trống thông tin mã số doanh nghiệp		Tổng số doanh nghiệp	Trống thông tin mã số doanh nghiệp	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	78.252	22.341	28,6	28.782	0	0
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	68.249	7.672	11,3	167.991	3	0,001
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	199.583	35.152	17,6	108.536	1	0,0009
4	Công ty cổ phần	94.117	13.068	13,9	68.927	1	0,001
5	Công ty hợp danh	26	9	34,6	10	0	0
6	Chi nhánh	61.615	29.796	48,4	49.496	0	0
7	Văn phòng đại diện	12.346	9.044	73,4	13.294	0	0
8	Địa điểm kinh doanh	9.683	-	-	74.404	-	-

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Qua số liệu tại Bảng 4 cho thấy đối với khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi thì tỷ lệ doanh nghiệp trống mã số doanh nghiệp là cao hơn nhiều so với khối dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống, nguyên nhân của tình trạng

này là do một số doanh nghiệp chuyển đổi chưa khớp được số đăng ký kinh doanh do Phòng Đăng ký kinh doanh cấp với mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp trước đây nên không đồng bộ được mã số thuế đồng thời là mã số doanh nghiệp, từ đó dẫn tới việc một số doanh nghiệp hiện đang trông mã. Trong khi đó với việc triển khai đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống đã thống nhất được một mã số doanh nghiệp dùng chung đồng thời là mã số thuế, khi các doanh nghiệp khi đăng ký thành lập mới sẽ được Hệ thống sinh ra và cấp mã số doanh nghiệp. Có thể thấy, với tình trạng trông mã số doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu đã gây ra những khó khăn, bất cập trong công tác quản lý về số lượng, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

- Mã ngành kinh doanh chính:

**Bảng số 5: Số lượng doanh nghiệp trông mã ngành kinh doanh chính theo loại hình đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống và khối chuyển đổi**

TT	Loại hình	Doanh nghiệp chuyển đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống		
		Tổng số doanh nghiệp	Trông thông tin mã ngành kinh doanh chính		Tổng số doanh nghiệp	Trông thông tin mã ngành kinh doanh chính	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	78.252	57.652	73,7	28.272	190	0,67
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	68.249	46.027	67,4	167.991	888	0,53
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	199.583	146.047	73,2	108.536	698	0,64
4	Công ty cổ phần	94.117	67.272	71,5	68.927	677	0,98
5	Công ty hợp danh	26	20	76,9	10	0	0
6	Chi nhánh	61.615	51.859	84,2	49.496	465	0,94
7	Văn phòng đại diện	12.346	-	-	13.294	-	-
8	Địa điểm kinh doanh	9.683	-	-	74.404	-	-

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Qua số liệu thống kê tại Bảng số 5 cho thấy hiện nay đối với dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi có tỷ lệ trông mã ngành kinh doanh chính là khá cao, nguyên nhân của tình trạng này là do trước đây khi chưa hợp nhất thủ tục đăng

ký kinh doanh và đăng ký thuế vào một bộ hồ sơ thành hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì các doanh nghiệp không phải kê khai mã ngành kinh doanh chính do đó cơ quan đăng ký kinh doanh không có thông tin về mã ngành kinh doanh chính. Hiện nay, với việc hợp nhất hồ sơ đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thành một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được triển khai đăng ký doanh nghiệp thông qua Hệ thống nghiệp vụ chung duy nhất thì trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã có các thông tin về mã ngành kinh doanh chính và các thông tin này đã được nhập vào Hệ thống, do đó, đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống thì tỷ lệ trống mã ngành kinh doanh chính là rất thấp, tỷ lệ trống cao nhất là của công ty cổ phần cũng chưa đến 1%.

Việc thống kê doanh nghiệp theo mã ngành kinh doanh chính là nhằm giúp các cơ quan quản lý cũng như các doanh nghiệp có liên quan có thể nắm bắt và biết được chính xác lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp, tuy nhiên, với tình hình trống mã như hiện nay thì khó có thể đưa ra con số thống kê chính xác về doanh nghiệp hoạt động theo các ngành nghề kinh doanh chính.

- Địa chỉ trụ sở chính:

**Bảng số 6: Số lượng doanh nghiệp trống thông tin địa chỉ trụ sở chính theo loại hình đối với khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống và khối chuyển đổi**

TT	Loại hình	Doanh nghiệp chuyển đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống		
		Tổng số doanh nghiệp	Trống thông tin địa chỉ trụ sở chính		Tổng số doanh nghiệp	Trống thông tin địa chỉ trụ sở chính	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	78.252	13.073	16,7	28.272	4	0,014
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	68.249	5.060	7,4	167.991	6	0,004
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	199.583	17.204	8,6	108.536	4	0,004
4	Công ty cổ phần	94.117	6.240	6,6	68.927	2	0,003
5	Công ty hợp danh	26	16	61,5	10	0	0
6	Chi nhánh	61.615	7.826	12,7	49.496	0	0



7	Văn phòng đại diện	12.346	1.606	13	13.294	1	0,008
8	Địa điểm kinh doanh	9.683	5.434	56,1	74.404	0	0

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Do trường thông tin địa chỉ trụ sở chính gồm các trường thông tin con: Phường/Xã/Thị trấn; Quận/Huyện/Thị xã/TP thuộc tỉnh; Tỉnh/Thành phố nên việc thống kê doanh nghiệp tổng trường thông tin địa chỉ trụ sở chính được thực hiện thống kê chi tiết cho các trường thông tin con: Phường/Xã/Thị trấn; Quận/Huyện/Thị xã/TP thuộc tỉnh; Tỉnh/Thành phố. Doanh nghiệp chỉ cần tổng một trong ba trường thông tin nêu trên hoặc tổng cả 3 trường thì đều được tính là doanh nghiệp tổng trường thông tin địa chỉ trụ sở chính. Việc thống kê doanh nghiệp theo địa chỉ trụ sở chính nhằm giúp các cơ quan quản lý cũng như các doanh nghiệp có liên quan có thể nắm bắt và biết được chính xác địa chỉ, nơi hoạt động của các doanh nghiệp.

### 1.3.2. Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa chính xác

Theo số liệu tại Bảng số 7 cho thấy cả nước có 74.149 doanh nghiệp nhập sai định dạng dữ liệu chiếm tỷ lệ 7,2% trên tổng số 1.035.311 doanh nghiệp, trong đó dữ liệu chuyển đổi chiếm tỷ lệ 6,6% và dữ liệu đăng ký trên Hệ thống chiếm tỷ lệ 0,6%.

**Bảng số 7: Số lượng doanh nghiệp nhập sai định dạng dữ liệu**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh nghiệp chuyển đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống		
		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu nhập sai định dạng		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu nhập sai định dạng	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	78.252	9.264	11,8	28.272	85	0,3
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	68.249	8.644	12,7	167.991	791	0,5
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	199.583	24.159	12,1	108.536	504	0,5
4	Công ty cổ phần	94.117	18.443	19,6	68.927	559	0,8
5	Công ty hợp danh	26	5	19,2	10	0	0
6	Chi nhánh	61.615	5.937	9,6	49.496	775	1,6

7	Văn phòng đại diện	12.346	1.239	10	13.294	242	1,8
8	Địa điểm kinh doanh	9.683	388	4	74.404	3.124	4,2
<b>Tổng số</b>		<b>523.871</b>	<b>68.079</b>	<b>12,9</b>	<b>511.440</b>	<b>6.070</b>	<b>1,2</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

So sánh tỷ lệ doanh nghiệp có dữ liệu nhập sai định dạng của hai khối dữ liệu chuyển đổi và dữ liệu đăng ký trên Hệ thống thì khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi có tỷ lệ nhập sai là 12,9% trên tổng số 523.871 doanh nghiệp của khối này và khối dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống có tỷ lệ nhập sai là 1,2% trên tổng số 511.440 doanh nghiệp của khối này.

Thống kê số liệu doanh nghiệp nhập sai định dạng theo địa phương cho thấy hiện nay 63/63 địa phương đều có tình trạng dữ liệu nhập sai định dạng, trong đó tập trung số lượng nhiều ở các địa phương có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập lớn như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hải Phòng, hiện 3 địa phương này có số lượng doanh nghiệp nhập sai định dạng dữ liệu là 40.284 doanh nghiệp chiếm 54,3% trên tổng số doanh nghiệp nhập sai định dạng dữ liệu của cả nước.

### 1.3.3. Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu không thống nhất

Theo số liệu tại Bảng số 8 cho thấy hiện nay cả nước có 165.801 doanh nghiệp có dữ liệu nhập chưa thống nhất chiếm tỷ lệ 16% trên tổng số 1.035.311 doanh nghiệp, trong đó dữ liệu chuyển đổi chiếm tỷ lệ 8,3% và dữ liệu đăng ký trên Hệ thống chiếm tỷ lệ 7,7%.

**Bảng số 8: Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa thống nhất**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh nghiệp chuyển đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống		
		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu chưa thống nhất		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu chưa thống nhất	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	78.252	23.127	29,6	28.272	388	1,3
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	68.249	8.471	12,4	167.991	2.500	1,5
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	199.583	32.957	16,5	108.536	1.795	1,7
4	Công ty cổ phần	94.117	7.631	8,1	68.927	861	1,2

5	Công ty hợp danh	26	0	0	10	0	0
6	Chi nhánh	61.615	10.124	16,4	49.496	6.159	12,4
7	Văn phòng đại diện	12.346	2.048	16,6	13.294	1.056	7,9
8	Địa điểm kinh doanh	9.683	1.717	17,7	74.404	66.967	90
<b>Tổng số</b>		<b>523.871</b>	<b>86.075</b>	<b>16,4</b>	<b>511.440</b>	<b>79.726</b>	<b>15,6</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

So sánh tỷ lệ doanh nghiệp có dữ liệu nhập chưa thống nhất của hai khối dữ liệu chuyển đổi và dữ liệu đăng ký trên Hệ thống thì khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi có tỷ lệ dữ liệu nhập chưa thống nhất là 16,4% trên tổng số 523.871 doanh nghiệp của khối này và khối dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống có tỷ lệ có dữ liệu nhập chưa thống nhất là 15,6% trên tổng số 511.440 doanh nghiệp của khối này.

Thông kê số liệu doanh nghiệp theo địa phương cho thấy hiện nay 63/63 địa phương đều có tình trạng doanh nghiệp có dữ liệu nhập chưa thống nhất, trong đó tập trung số lượng nhiều ở hai địa phương có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập lớn như thành phố Hồ Chí Minh (38.734 doanh nghiệp), thành phố Hà Nội (31.775 doanh nghiệp), hiện 2 địa phương này có số lượng doanh nghiệp có dữ liệu nhập chưa thống nhất là 70.509 doanh nghiệp chiếm 42,5% trên tổng số doanh nghiệp có dữ liệu nhập chưa thống nhất của cả nước.

#### 1.3.4. Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa cập nhật

Việc xem xét tính cập nhật dữ liệu nhằm đánh giá mức độ hoàn thiện của dữ liệu dựa trên các tiêu chí đánh giá là tính đầy đủ và tính chính xác, điều này là cần thiết và quan trọng, đặc biệt là đối với khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi.

Theo số liệu thống kê tại Bảng số 9, cả nước có 503.678 doanh nghiệp chưa được đăng ký thay đổi để cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp chiếm 48,7% trên tổng số 1.035.257 doanh nghiệp có trong cơ sở dữ liệu cả nước, trong đó: dữ liệu chuyển đổi là 263.540 doanh nghiệp chiếm 25,5%; dữ liệu đăng ký trên Hệ thống là 240.138 doanh nghiệp chiếm 23,2% trên tổng số doanh nghiệp.

Cũng theo số liệu thống kê thì trong cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của cả nước mới chỉ có 51,3% số doanh nghiệp đã được đăng ký thay đổi và cập

nhật thông tin, số doanh nghiệp còn lại cần được tiến hành đăng ký thay đổi để cập nhật thông tin là 503.678 doanh nghiệp. Trong số các doanh nghiệp cần được cập nhật thông tin thì có 263.540 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi, đây là khối dữ liệu còn nhiều hạn chế về chất lượng dữ liệu nên cần được ưu tiên triển khai cập nhật trong thời gian tới.

**Bảng số 9: Số lượng doanh nghiệp chưa được cập nhật thông tin theo loại hình**

TT	Loại hình	Dữ liệu doanh nghiệp chuyển đổi			Dữ liệu doanh nghiệp đăng ký trên HT		
		Tổng số doanh nghiệp	Chưa qua đăng ký thay đổi		Tổng số doanh nghiệp	Chưa qua đăng ký thay đổi	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	78.252	42.660	54,5	28.728	14.562	50,7
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	68.249	28.940	42,4	167.991	69.788	41,5
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	199.583	97.316	48,7	108.536	37.870	34,9
4	Công ty cổ phần	94.117	36.546	38,8	68.927	20.979	30,4
5	Công ty hợp danh	26	15	57,7	10	2	20
6	Chi nhánh	61.615	41.208	66,9	49.496	27.592	55,7
7	Văn phòng đại diện	12.346	10.295	83,4	13.294	9.775	73,5
8	Địa điểm kinh doanh	9.683	6.560	67,7	74.404	59.570	80,1
<b>Tổng số</b>		<b>523.871</b>	<b>263.540</b>	<b>50,3</b>	<b>511.386</b>	<b>240.138</b>	<b>46,9</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bên cạnh đó, đối với một số doanh nghiệp đã qua thay đổi nhưng hiện thông tin còn thiếu hoặc chưa chính xác thì cũng cần được thống kê chi tiết để tiếp tục được cập nhật thông tin nhằm đảm bảo tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu. Thống kê tại Bảng số 10 cho thấy đối với khối dữ liệu doanh nghiệp đã qua đăng ký thay đổi cần tiếp tục được đăng ký thay đổi để cập nhật thông tin là 174.191 doanh nghiệp trong đó có 164.452 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu chuyển đổi và 9.739 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống.

**Bảng số 10: Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi còn trống thông tin cần tiếp tục triển khai cập nhật thông tin**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh nghiệp tiếp tục cập nhật thông tin			
		Doanh nghiệp chuyên đổi đã qua đăng ký thay đổi hiện còn trống trường thông tin		Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống đã qua đăng ký thay đổi hiện còn trống trường thông tin	
		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)	Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	16.477	99,2	125	0,8
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	21.213	92,4	1.741	7,6
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	68.650	94,8	3.758	5,2
4	Công ty cổ phần	43.135	93,1	3.167	6,9
5	Công ty hợp danh	5	83,3	1	16,7
6	Chi nhánh	12.063	94,7	667	5,3
7	Văn phòng đại diện	1.012	91	100	9
8	Địa điểm kinh doanh	1.897	91,3	180	8,7
<b>Tổng số</b>		<b>164.452</b>	<b>94,4</b>	<b>9.739</b>	<b>5,6</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Thông kê tại Bảng số 11 cho thấy đối với khối dữ liệu doanh nghiệp đã qua đăng ký thay đổi hiện có dữ liệu nhập sai định dạng cần tiếp tục được đăng ký thay đổi để cập nhật thông tin là 19.615 doanh nghiệp trong đó có 17.044 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu chuyên đổi và 2.571 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống.

**Bảng số 11: Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi có dữ liệu nhập sai định dạng cần tiếp tục cập nhật thông tin**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh nghiệp chuyên đổi đã đăng ký thay đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống đã đăng ký thay đổi		
		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu nhập sai định dạng		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu nhập sai định dạng	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	35.592	2.032	5,7	14.220	49	0,3
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	39.309	2.481	6,3	98.203	505	0,5

3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	102.267	5.464	5,3	70.666	343	0,5
4	Công ty cổ phần	57.571	5.839	10,1	47.948	403	0,8
5	Công ty hợp danh	11	1	9,1	8	0	0
6	Chi nhánh	20.407	1.029	5	21.904	454	2,1
7	Văn phòng đại diện	2.051	61	3	3.519	73	2,1
8	Địa điểm kinh doanh	3.123	137	4,4	14.834	744	5
<b>Tổng số</b>		<b>260.311</b>	<b>17.044</b>	<b>6,5</b>	<b>271.302</b>	<b>2.571</b>	<b>0,9</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Thống kê tại Bảng số 12 cho thấy đối với khối dữ liệu doanh nghiệp đã qua đăng ký thay đổi hiện có dữ liệu nhập chưa thống nhất cần tiếp tục được đăng ký thay đổi để cập nhật thông tin là 63.919 doanh nghiệp trong đó có 44.899 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu chuyển đổi và 19.020 doanh nghiệp thuộc khối dữ liệu đăng ký trên Hệ thống.

**Bảng số 12: Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi có dữ liệu chưa thống nhất cần tiếp tục cập nhật thông tin**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh nghiệp chuyển đổi đã đăng ký thay đổi			Doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống đã đăng ký thay đổi		
		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu chưa thống nhất		Tổng số doanh nghiệp	Dữ liệu chưa thống nhất	
			Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)		Số doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp tư nhân	35.592	11.492	32,3	14.220	227	1,6
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	39.309	5.331	13,6	98.203	1.562	1,6
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	102.267	19.406	19	70.666	1.235	1,7
4	Công ty cổ phần	57.571	5.112	8,9	47.948	575	1,2
5	Công ty hợp danh	11	0	0	8	0	0
6	Chi nhánh	20.407	2.712	13,3	21.904	2.356	10,8
7	Văn phòng đại diện	2.051	415	20,2	3.519	263	7,5
8	Địa điểm kinh doanh	3.123	431	13,8	14.834	12.802	86,3
<b>Tổng số</b>		<b>260.311</b>	<b>44.899</b>	<b>17,2</b>	<b>271.302</b>	<b>19.020</b>	<b>7</b>

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Như vậy, qua thống kê và đánh giá dữ liệu doanh nghiệp theo tính cập nhật dữ liệu cho thấy để đảm bảo cho dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trong cơ sở

dữ liệu được đầy đủ và chính xác thì ngoài các doanh nghiệp hiện chưa đi đăng ký thay đổi thì các doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi nhưng hiện dữ liệu còn trống thông tin hoặc nhập sai định dạng hoặc có dữ liệu chưa thống nhất vẫn cần tiếp tục được đăng ký thay đổi để cập nhật thông tin chính xác.

## **2. Thực trạng quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

Từ năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và hướng dẫn thực hiện thí điểm công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi 03 tỉnh: Hải Dương, Hưng Yên và Quảng Ninh. Trên cơ sở các kết quả đạt được cũng như tồn tại trong quá trình triển khai thí điểm, từ đầu năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ cho cán bộ các Phòng ĐKKD cấp tỉnh; đồng thời chủ động trao đổi dữ liệu về đăng ký thuế với Cục Công nghệ thông tin - Tổng cục Thuế nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện của chương trình chuẩn hóa.

Về tình hình triển khai chuẩn hóa qua các năm như sau:

Năm 2011, tiến hành triển khai thí điểm chuẩn hóa dữ liệu tại 3 địa phương Quảng Ninh, Hải Dương và Hưng Yên.

Tính đến hết năm 2012, đã có 17/63 địa phương đã và đang tiến hành triển khai chuẩn hóa dữ liệu.

Tính đến hết năm 2013, đã có 38/63 địa phương tiến hành triển khai chuẩn hóa dữ liệu.

Tính đến hết năm 2014, cả nước đã có 43/63 địa phương tiến hành triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu

Tính đến hết năm 2015, chương trình chuẩn hóa dữ liệu đã được triển khai tại 63 địa phương trên cả nước.

### ***2.1. Thực trạng xây dựng văn bản quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

Trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham gia, xây dựng và ban hành một số văn bản pháp luật quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp qua đó

tạo môi trường kinh doanh tiên tiến, hiệu quả và minh bạch cho cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong nước và quốc tế khi ra nhập thị trường Việt Nam.

*2.1.1. Xây dựng văn bản pháp luật quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp*

Các văn bản pháp luật quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia, xây dựng gồm có:

**Bảng số 13: Các quy định được xây dựng, ban hành giai đoạn 2011 -2015**

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản xây dựng, ban hành</b>
1	Luật Doanh nghiệp 2014.
2	Luật Đầu tư 2014.
3	Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
4	Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
5	Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.
6	Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
7	Thông tư số 01/2013/TT-BKH ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
8	Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
9	Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.
10	Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09/08/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung, thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Qua công tác tham gia xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, có thể thấy công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp mới chính thức được pháp lý hóa trong thời gian gần đây và cụ thể là được đề cập tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, mặc dù công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp đã được thực hiện từ năm 2011. Việc pháp lý hóa công tác này đã góp phần chính thức hóa là một nhiệm vụ của Phòng Đăng ký kinh doanh và là một trong những nội dung của quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, qua đó là căn cứ cho các Phòng Đăng ký kinh doanh việc xây dựng kế hoạch triển khai hàng năm và tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, để có thể pháp lý hóa công tác chuẩn hóa dữ liệu tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ngay tại Thông tư số 14/2010/TT-BKH thì một số nội dung cơ bản của công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đã được đề cập tại các Điều 32, 33 và 34 của Thông tư.

Tiếp đó, ngày 21/01/2013 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 01/2013/TT-BKH hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp để thay thế cho Thông tư số 14/2010/TT-BKH thì công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đã được đề cập và quy định một cách đầy đủ hơn qua quá trình triển khai thực tiễn, tại Thông tư các quy định về công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được đề cập tại các Điều 44, 45, 46, 47.

Và đến năm 2014, khi nước ta tiến hành sửa Luật Doanh nghiệp thì lần đầu tiên trong Luật Doanh nghiệp 2014 có đề cập đến khái niệm Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đây là tiền đề để xây dựng các văn bản hướng dẫn nhằm tiến tới hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trong đó có quy định về công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đã được pháp lý hóa chính thức và tại Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đã được quy định rõ ràng, đầy đủ là là cơ sở cho việc triển khai hiện nay.

*2.1.2. Ban hành văn bản hướng dẫn và phối hợp thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp*

Thực hiện chức năng tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh địa phương về công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp; trong các năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành các văn bản hướng dẫn, phối hợp công tác như sau:

**Bảng số 14: Các văn bản hướng dẫn ban hành giai đoạn 2011 -2015**

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản xây dựng, ban hành</b>
1	Công văn số 273 /BKHĐT-ĐKKD của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 29/ 8/2011 gửi địa phương về việc rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp.
2	Công văn số 2430/BKHĐT-ĐKKD của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 16/3/2013 gửi địa phương về triển khai chuẩn hóa dữ liệu.
3	Công văn số 2931/BKHĐT-ĐKKD ngày 21/4/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 16/3/2013 gửi địa phương về việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu để đồng bộ thông tin về doanh nghiệp.
4	Công văn số 100/ĐKKD-TT của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh ngày 22/6/2011 gửi địa phương về triển khai việc kiểm tra đối chiếu, hiệu chỉnh và bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.
5	Công văn số 188/ĐKKD-CSDL ngày 4/9/2015 của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh gửi Tổng cục thuế về phối hợp hướng dẫn rà soát tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.
6	Công văn số 86/ĐKKD-CSDL ngày 25/4/2016 của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh gửi Tổng cục thuế về phối hợp hướng dẫn rà soát, chuẩn hóa dữ liệu để đồng bộ thông tin của doanh nghiệp.
7	Công văn số 87/ĐKKD-CSDL ngày 25/4/2016 của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh gửi địa phương về hướng dẫn rà soát, chuẩn hóa dữ liệu để đồng bộ thông tin của doanh nghiệp.

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Việc ban hành các văn bản hướng dẫn là căn cứ để Phòng Đăng ký kinh doanh địa phương triển khai thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Bên cạnh việc chấp hành thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành về công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp thì các văn bản hướng dẫn của Bộ chính là định hướng chung cho các địa

phương về lộ trình xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, điều này giúp cho công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện đúng trọng tâm, đúng mục đích và đảm bảo theo định hướng mà Đảng và Nhà nước đề ra trong công tác phát triển doanh nghiệp cũng như quản lý về đăng ký doanh nghiệp

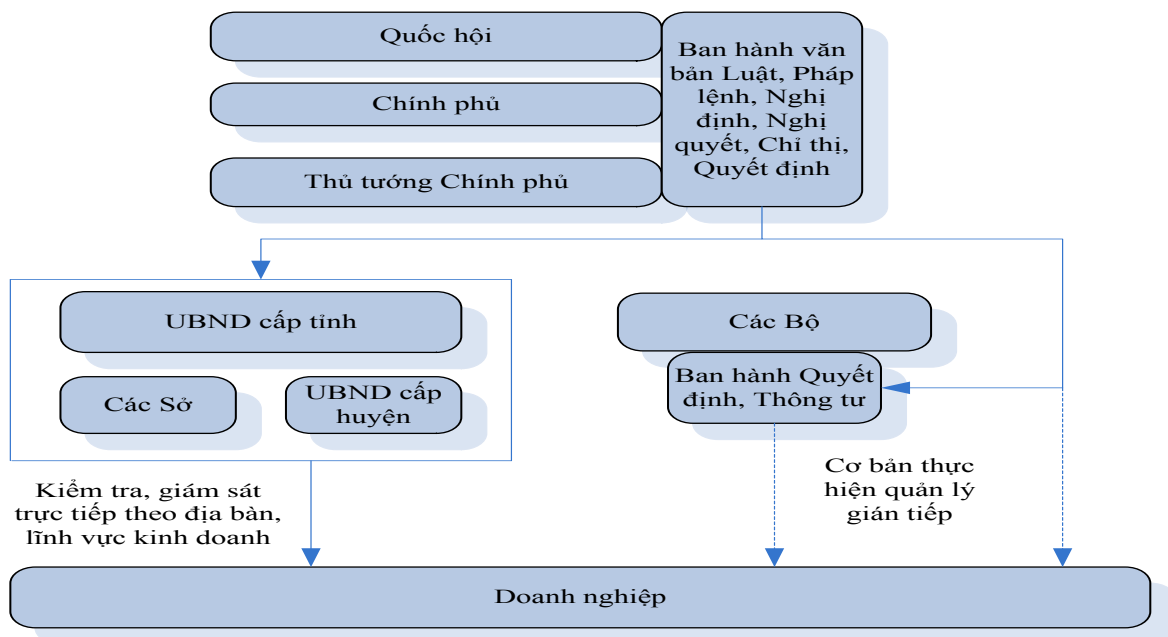
## 2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy thực thi chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

Hệ thống các cơ quan quản lý hiện nay ở nước ta về lĩnh vực doanh nghiệp, bao gồm:

- Quốc hội ban hành và sửa đổi các luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp xét xử và kiểm soát việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

- Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trực tiếp ban hành nghị định, quyết định và các chính sách cụ thể liên quan đến doanh nghiệp; các biện pháp chỉ đạo và kiểm tra việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các quyết định của Chính phủ trong các doanh nghiệp.

- Bộ, các cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, ban hành các văn bản hướng dẫn quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.



Hình 1: Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp ở địa phương, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền phân cấp hành chính và từng lĩnh vực cụ thể có liên quan.

Hiện nay, tại Chương II Nghị định số 78/2015/NĐ-CP có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, theo đó các cơ quan đăng ký kinh doanh gồm có Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cấp huyện, về cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp thì có Bộ Kế hoạch và Đầu tư và một số cơ quan có liên khác. Cũng quy định tại Nghị định này thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ hướng dẫn Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu.

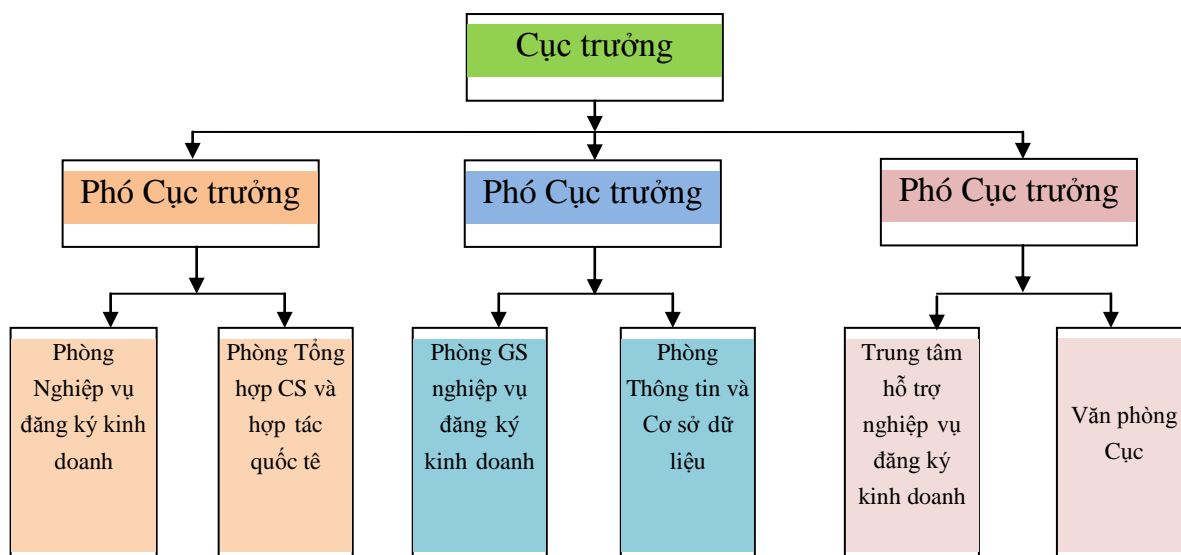
Như vậy, bộ phận cán bộ làm công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp chính là bộ phận cán bộ thuộc bộ máy quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

a) Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

*- Về cơ cấu tổ chức:*

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 09/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 08/11/2010, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Quyết định số 1899/QĐ-BKH quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh. Cũng theo Quyết định 1899/QĐ-BKH, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh có 6 đơn vị, bao gồm 4 phòng nghiệp vụ và Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh, Văn phòng Cục. Các phòng nghiệp vụ gồm có: Phòng Tổng hợp chính sách và hợp tác quốc tế, Phòng Nghiệp vụ đăng ký kinh doanh, Phòng Giám sát và Phòng Thông tin và cơ sở dữ liệu.



**Hình 2: Sơ đồ cơ cấu, tổ chức Cục Quản lý đăng ký kinh doanh**

**- Về nhân sự:**

Từ khi thành lập, nhân sự của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh chỉ có 20 cán bộ, công chức, viên chức. Đến nay, qua 6 năm tổng số cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động đang công tác tại Cục là 51 người.

Về cán bộ lãnh đạo, hiện nay, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh có:

- + 01 đồng chí là Cục trưởng.
- + 03 đồng chí là Phó Cục trưởng.
- + 06 Trưởng phòng các đơn vị thuộc Cục.
- + 05 Phó Trưởng phòng các đơn vị thuộc Cục.

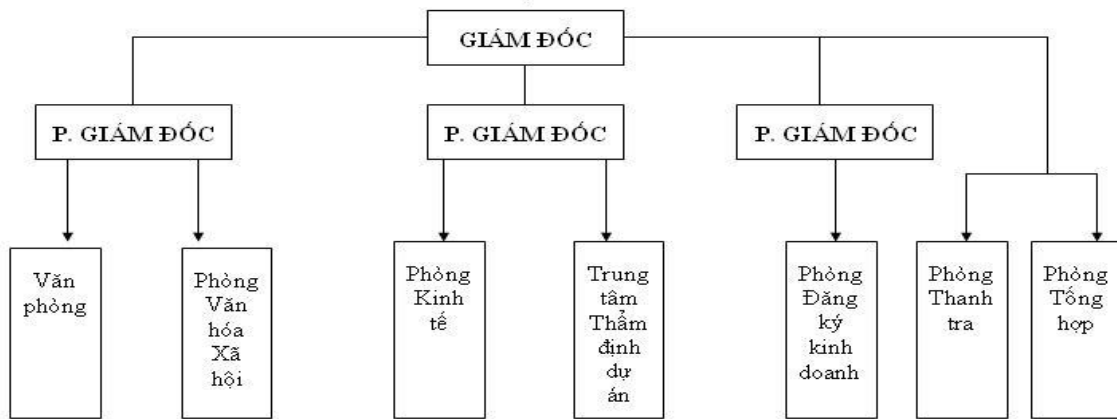
**- Về cơ sở vật chất:**

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh được bố trí tổng số 15 phòng làm việc, trong đó có 04 phòng dành cho lãnh đạo Cục, 01 phòng dành cho hệ thống máy chủ của hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, 10 phòng còn lại dành cho cán bộ các phòng nghiệp vụ và chuyên môn khác.

Về điều kiện về vật chất và các trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu công tác, Cục đã bố trí và sắp xếp đầy đủ.

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



**Hình 3: Sơ đồ cơ cấu, tổ chức Phòng đăng ký kinh doanh**

*- Về cơ cấu tổ chức:*

Tại cấp địa phương, bộ máy quản lý đăng ký doanh nghiệp là Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, theo phân cấp của cơ quan cấp trên. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là cơ quan duy nhất có chức năng cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu và cũng là cơ quan quản lý và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu.

*- Về nhân sự:*

Phòng Đăng ký kinh doanh có 1 Trưởng phòng và từ 2-3 Phó Trưởng phòng, số lượng cán bộ làm công tác đăng ký doanh nghiệp bình quân là từ 5 - 7 người. Một số địa phương có số lượng doanh nghiệp lớn như thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh thì có số lượng cán bộ đông hơn.

*- Về cơ sở vật chất:*

Đa số các Phòng Đăng ký kinh doanh đều được bố trí phòng làm việc và trang bị vật chất đầy đủ đảm bảo cho việc thực thi các nhiệm vụ công vụ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ đăng ký doanh nghiệp

Trong 5 năm qua, công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đã được triển khai rộng trên phạm vi toàn quốc. Theo đó, đã có hơn 70 chương trình

hội thảo, đào tạo, bao gồm:

- Khóa đào tạo, tập huấn về các chức năng của hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang,...
- Hội nghị công tác đăng ký kinh doanh tại Hà Nội và Cần Thơ nhằm tổng kết các kết quả đạt được của chương trình cải cách đăng ký kinh doanh.
- Hội nghị xin ý kiến sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư tại Hà Nội và Hồ Chí Minh.
- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp tại Hà Nội và Hồ Chí Minh.

**Bảng số 15: Tình hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đăng ký kinh doanh giai đoạn 2011-2015**

TT	Bộ, ngành	Đv tính	Năm thực hiện				
			2011	2012	2013	2014	2015
1	Tổng số địa phương tham gia	Địa phương	63	63	63	63	63
2	Tổng số cuộc đào tạo, bồi dưỡng	Cuộc	12	13	15	15	15
3	Tổng số cán bộ tham gia bồi dưỡng	Cán bộ	502	526	545	550	555

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian qua được đánh giá là cần thiết, phù hợp và có phát huy hiệu quả. Qua đó, cán bộ đăng ký kinh doanh đã được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo phục vụ tốt hơn trong công tác đăng ký doanh nghiệp, giúp các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh ở địa phương có thể khai thác hiệu quả các chức năng của hệ thống đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, thông qua khóa đào tạo, cán bộ đăng ký kinh doanh đã được bổ sung thêm các kỹ năng cần thiết để tự tìm ra các phương thức xử lý tình huống hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc khi thực hiện các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

### ***2.3. Kiểm soát việc thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

Việc kiểm tra, xem xét việc chấp hành các quy định về quản lý trong công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của các Phòng Đăng ký kinh doanh được thực hiện thông qua các đoàn kiểm tra của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh tại địa phương. Trong các năm từ 2011 đến 2015, đã có 20 đoàn kiểm tra được thành lập và tổ chức thực hiện tại 24 địa phương, qua đó đã kịp thời hỗ trợ và phòng ngừa những sai sót, hạn chế trong công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

Ngoài ra, để đánh giá và nắm bắt được tình hình thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại các Phòng Đăng ký kinh doanh, thì một ứng dụng triển khai chuẩn hóa dữ liệu đã được xây dựng trên hệ thống thông tin nghiệp vụ dùng chung để đáp ứng nhu cầu thực hiện của địa phương đồng thời phục vụ công tác theo dõi và quản lý của Cục. Đây là một kênh để cơ quan quản lý cấp trên về đăng ký doanh nghiệp thực hiện kiểm tra, giám sát cơ quan cấp dưới trong thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể:

- Hệ thống báo cáo quản trị về tình hình thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu của cán bộ Phòng đăng ký kinh doanh.

- Hệ thống tài khoản truy cập, mỗi cán bộ làm công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp sẽ được cấp một tài khoản truy cập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

## **3. Đánh giá kết quả chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

### ***3.1. Đánh giá kết quả quản lý theo tiêu chí***

Việc đánh giá kết quả chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là rất quan trọng, qua đó là cơ sở để xác định hiệu quả của việc triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Số liệu tại các Bảng dưới được thống kê dựa trên kết quả triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của các địa phương tính đến năm 2015.

a) Tính đầy đủ thông tin



**Bảng số 16: Số lượng doanh nghiệp trồng trường thông tin sau chuẩn hóa**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số doanh nghiệp trồng trường thông tin					
		Trước khi thực hiện chuẩn hóa		Sau khi thực hiện chuẩn hóa		Tỷ lệ % trồng sau TH so với trước TH	
		Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống	Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống	Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống
1	Doanh nghiệp tư nhân	59.136	247	42.659	122	72,1	49,4
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	50.153	2.190	28.940	449	57,7	20,5
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	165.966	4.301	96.316	543	58,0	12,6
4	Công ty cổ phần	79.681	3.793	36.546	626	45,9	16,5
5	Công ty hợp danh	20	1	15	0	75,0	0
6	Chi nhánh	53.272	935	41.208	268	77,3	28,7
7	Văn phòng đại diện	11.307	196	10.295	96	91,0	48,9
8	Địa điểm kinh doanh	8.457	875	6.560	695	77,6	79,4
<b>Tổng số</b>		<b>427.991</b>	<b>12.538</b>	<b>263.539</b>	<b>2.799</b>		

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Có thể thấy sau khi thực hiện chuẩn hóa dữ liệu thì tỷ lệ số doanh nghiệp trồng trường thông tin ở cả hai khối dữ liệu chuyển đổi và đăng ký trên Hệ thống đã giảm đi so với lúc chưa thực hiện chuẩn hóa, như vậy, các doanh nghiệp sau khi được chuẩn hóa đã đảm bảo tính đầy đủ thông tin. Điều này cho thấy hiệu quả của công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp là tích cực, qua đó dần hoàn thiện chất lượng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Tính chính xác thông tin

**Bảng số 17: Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa chính xác**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số doanh nghiệp nhập sai định dạng					
		Trước khi thực hiện chuẩn hóa		Sau khi thực hiện chuẩn hóa		Tỷ lệ % sai sau TH so với trước TH	
		Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống	Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống	Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống
1	Doanh nghiệp tư nhân	9.264	85	7.232	26	78,1	30,6

2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	8.644	791	6.163	286	71,3	36,2
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	24.159	504	18.695	161	77,4	31,9
4	Công ty cổ phần	18.443	559	12.604	156	68,3	27,9
5	Công ty hợp danh	5	0	4	0	80	0
6	Chi nhánh	5.937	775	4.908	321	82,7	41,4
7	Văn phòng đại diện	1.239	242	1.178	169	95,1	69,8
8	Địa điểm kinh doanh	388	3.124	251	2.380	64,7	76,2
<b>Tổng số</b>		<b>68.079</b>	<b>6.070</b>	<b>51.035</b>	<b>3.499</b>		

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Qua tiêu chí tính chính xác dữ liệu cho thấy hiệu quả của công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tỷ lệ doanh nghiệp có dữ liệu không chính xác ngày càng giảm so với lúc chưa thực hiện. Như vậy, công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đã có hiệu quả, tuy nhiên để toàn bộ dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được chính xác thì còn cần phải đẩy mạnh công tác chuẩn hóa dữ liệu hơn nữa.

c) Tính thống nhất thông tin

**Bảng số 18: Số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa thống nhất**

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số doanh nghiệp chưa thống nhất					
		Trước khi thực hiện chuẩn hóa		Sau khi thực hiện chuẩn hóa		Tỷ lệ % chưa thống nhất sau TH so với trước TH	
		Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống	Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống	Chuyển đổi	Đăng ký trên Hệ thống
1	Doanh nghiệp tư nhân	23.127	388	11.635	161	50,3	41,5
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên	8.471	2.500	3.140	938	37,1	37,5
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên	32.957	1.795	13.551	560	41,1	31,2
4	Công ty cổ phần	7.631	861	2.519	286	33,0	33,2
5	Công ty hợp danh	0	0	0	0	0	0
6	Chi nhánh	10.124	6.159	7.412	3.803	73,2	61,7

7	Văn phòng đại diện	2.048	1.056	1.633	793	79,7	75,1
8	Địa điểm kinh doanh	1.717	66.967	1.286	54.165	74,9	80,9
<b>Tổng số</b>		<b>86.075</b>	<b>79.726</b>	<b>41.176</b>	<b>60.706</b>		

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Qua thống kê số liệu theo tiêu chí thống nhất dữ liệu ta thấy tỷ lệ số lượng doanh nghiệp có dữ liệu chưa thống nhất ngày càng giảm so với số lượng ban đầu, điều đó chứng tỏ công tác quản lý chuẩn hóa dữ liệu ngày càng có hiệu quả và được thực hiện ngày càng tích cực.

### **3.2. Đánh giá công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

#### **3.2.1. Điểm mạnh**

##### **a) Xây dựng văn bản quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp**

- Khung pháp lý về đăng ký doanh nghiệp trong đó có quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đã được xây dựng cơ bản hoàn chỉnh, chất lượng của hệ thống văn bản được nâng cao, tiếp cận với thông lệ quốc tế, đáp ứng từng bước với yêu cầu hội nhập.

- Các văn bản Luật Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;... được ban hành đã rút ngắn được thời gian và đơn giản hóa được thủ tục thành lập doanh nghiệp, việc quy định công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp thực hiện qua kênh duy nhất là Cổng thông tin đã góp phần công khai, minh bạch hóa thông tin, huy động được một bộ phận doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin và giám chính hoạt động của các doanh nghiệp, công tác đăng ký doanh nghiệp ngày càng cải thiện, chất lượng dữ liệu doanh nghiệp đăng ký ngày càng nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đạt hiệu quả cao.

##### **b) Tổ chức bộ máy quản lý**

Tổ chức được một bộ máy quản lý đăng ký doanh nghiệp toàn diện trên các lĩnh vực đời sống xã hội, ở các cấp từ địa phương đến Trung ương, phù hợp với cơ chế mới. Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung nguồn lực con người cũng như cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu công tác; xây dựng được cơ chế phối hợp giữa cơ quan đăng ký doanh nghiệp và các cơ quan quản lý có liên

quan tạo điều kiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

### c) Kiểm soát việc thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

Công tác kiểm soát được thực hiện nghiêm túc đã giúp phát hiện những bất cập, điểm trống trong quy định pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp. Từ đó, đã kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hệ thống khung pháp lý nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy các nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý về đăng ký doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng giúp ngăn ngừa và phát hiện kịp thời những sai sót, bất cập, những hiện tượng tham nhũng, những nhiễu, lãng phí trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp.

#### 3.2.2. Điểm yếu

##### a) Xây dựng văn bản quy định về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

- Hệ thống pháp luật về đăng ký doanh nghiệp nói chung và chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp nói riêng nhưng vẫn tồn tại một số bất cập, chồng chéo, gây khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình áp dụng.

- Chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp chưa cao, thiếu tính khoa học và chưa được tham vấn ý kiến của nhiều bên có liên quan.

- Một số trường hợp chuẩn hóa dữ liệu chưa được quy định về cách thức giải quyết tại các văn bản pháp lý nên gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

##### b) Tổ chức bộ máy quản lý

- Chưa quy định rõ về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan khác trong quản lý chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

- Quy trình phối hợp vẫn chưa thực sự chặt chẽ, các địa phương chưa thật sự chủ động trong hợp tác. Một số địa phương chưa tích cực và linh hoạt trong thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Sự phát triển nhanh chóng cả về lượng và chất của cộng đồng doanh nghiệp khiến cho các cơ quan nhà nước chưa kịp thay đổi để thích ứng với yêu

cầu của công tác quản lý chuẩn hóa, do đó, dữ liệu và thông tin đăng ký doanh nghiệp chưa có được sự quản lý khoa học và bài bản.

- Các nguồn lực vật chất và nguồn lực con người để phục vụ yêu cầu quản lý về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp chưa được đầu tư phù hợp nên còn nhiều hạn chế, chậm đổi mới. Cụ thể là đội ngũ cán bộ nhà nước còn hạn chế về trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp; cơ sở vật chất, phương tiện, công cụ quản lý lạc hậu đã làm giảm hiệu quả, hiệu lực của quản lý đối với công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

### c) Kiểm soát việc thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

- Chế tài và biện pháp xử lý hành chính đối với cán bộ không tuân thủ quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp còn hạn chế.

- Hệ thống pháp luật về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đăng ký của doanh nghiệp; hệ thống quy định về chế tài xử lý vi phạm hành chính chưa đủ sức răn đe đối với việc chấp hành thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và chia sẻ thông tin về đăng ký doanh nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên dẫn tới việc tuân thủ các quy định liên quan đến việc báo cáo, thông báo, đăng ký cập nhật thông tin của doanh nghiệp còn rất hạn chế, từ đó làm ảnh hưởng tới công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

### 3.2.3. Nguyên nhân của điểm yếu

Những điểm yếu nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

#### a) Về mặt chủ quan

*Thứ nhất*, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu thực tế, chưa được tham vấn ý kiến của nhiều bên có liên quan. Các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp chưa bao hàm được các vấn đề cụ thể trong việc xây dựng và quản lý, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp. Công tác phổ biến pháp luật về đăng ký doanh nghiệp chưa thực sự được quan tâm nhiều, công tác hướng dẫn thực hiện pháp luật doanh nghiệp còn hạn chế.

*Thứ hai*, các chức năng quản lý nhà nước chưa được phân định rõ ràng.

Đặc biệt là giữa chức năng quản lý sự tồn tại pháp lý của doanh nghiệp với chức năng quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh dẫn đến nhiều bất cập trong tổ chức bộ máy thực hiện.

*Thứ ba*, hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát doanh nghiệp của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp còn chung chung, dẫn tới việc các cơ quan quản lý không nắm bắt được thông tin chính xác về doanh nghiệp, tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

*Thứ tư*, thiếu dữ liệu về doanh nghiệp có chất lượng, có giá trị pháp lý để các cơ quan nhà nước căn cứ, làm cơ sở cho công tác xây dựng khung pháp lý, ban hành cơ chế, chính sách quản lý doanh nghiệp, phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, đồng thời, làm cơ sở để các bên thứ ba có liên quan tham gia vào quá trình giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

*Thứ năm*, nguồn lực để thực hiện quản lý còn nhiều hạn chế, chậm đổi mới. Cụ thể là, đội ngũ cán bộ nhà nước còn hạn chế về trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp, phẩm chất đạo đức, đặc biệt là nhận thức đúng đắn về cơ chế thị trường; cơ sở vật chất, phương tiện, công cụ quản lý lạc hậu, chưa được đầu tư đúng mức làm giảm năng suất, hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

#### b) Về mặt khách quan

Nguyên nhân gây ra những điểm yếu trong quản lý đối với chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp gồm:

*Thứ nhất*, sự phát triển nhanh chóng về số lượng doanh nghiệp khiến cho các cơ quan nhà nước chưa kịp thay đổi để thích ứng với công tác quản lý chuẩn hóa. Đây chính là vấn đề hạn chế của công tác quản lý chuẩn hóa trong thời gian qua và nó xảy ra ở tất cả các lĩnh vực.

*Thứ hai*, cộng đồng doanh nghiệp mới hình thành, nhận thức về quy luật thị trường, về tầm quan trọng của thông tin và ý thức chấp hành pháp luật, tư duy về chiến lược phát triển còn hạn chế.

*Thứ ba*, công tác quản lý về chuẩn hóa đăng ký doanh nghiệp mới chỉ thực sự được quan tâm trong thời gian gần đây, do vậy, cần có thời gian để hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp luật, từng bước nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý.

## CHƯƠNG 3

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CHUẨN HÓA DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

### 1. Quan điểm quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam

#### 1.1. Quan điểm của Đảng

Báo cáo chính trị tại Đại hội XII đã nhấn mạnh quan điểm của Đảng ta về nâng cao năng lực lãnh đạo và hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp đến năm 2020:

- Thể chế hóa quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản) của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt. Bảo đảm quyền quản lý, thu lợi của Nhà nước đối với tài sản công và quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng tài sản công của mọi chủ thể trong nền kinh tế. Nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản.

- Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng: doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn tại những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm hoặc không cần giữ cổ phần chi phối, kể cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả. Hoàn thiện thể chế định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu,...) trong cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích. Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, Ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp. Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công theo hướng nâng cao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính; xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ công, thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực này.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác xã trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ.

- Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển



mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, chú trọng chuyên giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực.

## ***1.2 Quan điểm quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp***

Để có thể thực hiện được mục tiêu: “Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường; tăng cường việc tuân thủ pháp luật và ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng vi phạm pháp luật của doanh nghiệp”, trong thời gian tới cần thống nhất thực hiện một số quan điểm sau:

*Một là*, thay đổi tư duy quản lý nhà nước từ các “mệnh lệnh hành chính” bằng khung khổ quy định của pháp luật. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước, mỗi cơ quan sẽ chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực chuyên ngành tương ứng.

*Hai là*, thống nhất, đồng bộ và liên thông công tác quản lý nhà nước giữa

cấp trung ương và địa phương, giữa quản lý doanh nghiệp theo ngành và theo lãnh thổ, trong đó chú trọng công tác tăng cường xây dựng và kết nối trực tuyến cơ sở dữ liệu thông tin có tính pháp lý, chuẩn xác về doanh nghiệp;

*Ba là*, đổi mới công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo lộ trình, dần từng bước và đồng bộ với các giải pháp có liên quan như cải cách hành chính, cải cách luật pháp, đổi mới nguồn nhân lực, cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp, chuyên đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện cam kết quốc tế... theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;

*Bốn là*, hoàn thiện bộ máy thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên cơ sở kế thừa, nâng cao hiệu quả hoạt động và không làm gián đoạn hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;

*Năm là*, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước phải song hành với phát huy vai trò kiểm tra giám sát trong nội bộ doanh nghiệp, kiểm tra giám sát của bạn hàng, đối thủ cạnh tranh, chủ nợ của doanh nghiệp, kiểm tra, giám sát của người tiêu dùng, của các hiệp hội, kiểm tra giám sát của xã hội và công luận.

## **2. Mục tiêu quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp đến năm 2020**

Trên cơ sở các quan điểm nói trên, để đạt được mục tiêu “*Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh*”, trong thời gian từ nay tới năm 2020, cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp nhằm sớm cung cấp cho cộng đồng những thông tin chính xác, cập nhật, có giá trị pháp lý về doanh nghiệp, góp phần minh bạch hóa thị trường và tăng tỷ lệ số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để từng bước kiện toàn việc tin học hóa nghiệp vụ trên phạm vi cả nước.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng công tác đăng ký doanh nghiệp tại địa phương để đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận được các

dịch vụ công một cách thuận lợi theo hướng triệt để thực hiện nguyên tắc ”tiền đăng, hậu kiểm” trong quản lý doanh nghiệp, tách bạch đăng ký kinh doanh với các quy trình cấp phép kinh doanh sau thành lập doanh nghiệp.

*Thứ ba*, tiếp tục triển khai các hoạt động hướng tới đưa toàn bộ các pháp nhân hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế tập trung vào một hệ thống thông tin duy nhất là hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, cụ thể là đưa các loại hình như ngân hàng, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp khoa học công nghệ, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài,... thực hiện quy trình đăng ký doanh nghiệp như các doanh nghiệp thông thường khác.

*Thứ tư*, đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế và thông tin truyền thông trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh để tiếp tục học hỏi kinh nghiệm tiên tiến của quốc tế và mở rộng các hình thức trao đổi thông tin hai chiều giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng.

### **3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đến năm 2020**

#### ***3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện quy định chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống khung pháp luật về đăng ký doanh nghiệp

+ Xây dựng kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành để các văn bản pháp luật nhanh chóng đi vào đời sống, tránh tình trạng quy định pháp lý đã được ban hành mà không thực hiện được. Các văn bản hướng dẫn phải bao quát được hết các vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện và có phương án xử lý đối với các vấn đề đó.

Theo quy định về trình tự ban hành văn bản hướng dẫn Luật, thì Nghị định được ban hành để hướng dẫn thi hành Luật, tiếp đó, Thông tư được ban hành để hướng dẫn thi hành Nghị định. Như vậy, để triển khai thi hành được Luật đã được Quốc hội thông qua cần phải xây dựng Nghị định và Thông tư hướng dẫn. Thực tế, thẩm quyền ban hành hai văn bản hướng dẫn này thuộc hai cấp cơ quan

quản lý khác nhau là Chính phủ và các Bộ, ngành với các công đoạn về thủ tục, thời gian khác nhau. Như vậy, sau khi Luật được thông qua cần phải tổ chức xây dựng kịp thời các văn bản hướng dẫn bao gồm Nghị định và Thông tư để nhanh chóng rút ngắn thời gian đưa Luật vào cuộc sống.

+ Hoàn thiện khung pháp luật chung về giải thể và chấm dứt hoạt động, xử lý dữ liệu đăng ký doanh nghiệp sau chuẩn hóa đối với các loại hình doanh nghiệp.

Hiện nay, mặc dù Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn đã có quy định về giải thể, chấm dứt hoạt động đối với doanh nghiệp nhưng trên thực tế có nhiều doanh nghiệp không còn hoạt động nhưng các cơ quan quản lý không thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động và xóa tên đối với các doanh nghiệp này.

Theo quy định hiện nay để tiến hành giải thể và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp thì ngoài việc thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ có liên quan khác thì doanh nghiệp còn phải thực hiện thủ tục tại hai cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. Trên thực tế, việc hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế đối với một số trường hợp doanh nghiệp là khá khó khăn và chưa thực hiện được nếu như doanh nghiệp rơi vào trạng thái bỏ trốn mất tích. Do đó, với các trường hợp nói trên không thể tiến hành được việc giải thể, từ đó ảnh hưởng tới hiệu quả của công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

+ Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định cụ thể về thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu, theo đó quy định rõ ràng cách thức thực hiện, công tác tổ chức phối hợp, các bước công việc phải triển khai và lộ trình thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan làm cơ sở cho các cơ quan quản lý xây dựng các kế hoạch chuẩn hóa dữ liệu một cách chủ động và có hiệu quả.

+ Xây dựng cơ chế công khai và minh bạch nhằm đẩy mạnh công tác giám sát của xã hội về thông tin đăng ký doanh nghiệp, qua đó định hướng doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân tuân thủ các điều kiện và tự chịu trách nhiệm bản thân về thông tin đăng ký, tạo thuận lợi cho việc thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu.

- Hoàn thiện quy định về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt

động đăng ký doanh nghiệp

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đăng ký của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về chế tài xử lý vi phạm hành chính đủ sức răn đe đối với doanh nghiệp; tăng cường các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính doanh nghiệp theo nguyên tắc mỗi quy định ràng buộc hành vi của doanh nghiệp thì phải có chế tài xử phạt hữu hiệu khi doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định đó. Qua đó, đảm bảo việc tuân thủ các quy định và thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp, góp phần minh bạch hóa thông tin đăng ký, tạo thuận lợi cho công tác chuẩn hóa dữ liệu.

+ Tăng cường chế tài và biện pháp xử lý hành chính đối với cán bộ không tuân thủ quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, lợi dụng quyền lực nhà nước để gây khó khăn cho doanh nghiệp làm ảnh hưởng tới hiệu quả của công tác quản lý về đăng ký doanh nghiệp.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp là do số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ còn hạn chế; đổi mới nhận thức của cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước không theo kịp với những yêu cầu của thực tiễn. Thái độ, tâm lý làm việc; phương thức, công cụ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước chưa có thay đổi một cách rõ nét để phù hợp với cơ chế, chính sách mới. Tính khoa học, chuyên môn, chuyên nghiệp của cán bộ trong xử lý công việc còn thấp.

- Tiếp tục cải cách một số thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, trong thời gian tới cần pháp lý hóa triệt để quyền và nghĩa vụ của công dân liên quan đến quá trình đăng ký gia nhập thị trường theo hướng người thành lập tự chịu trách nhiệm về các thông tin đăng ký. Qua đó, đảm bảo cho thông tin đăng ký doanh nghiệp luôn có độ chính xác và tính cập nhật thường xuyên, tạo thuận tiện cho công tác chuẩn hóa dữ liệu sau này.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn về lập kế hoạch chuẩn hóa dữ liệu, trong đó tổng hợp các trường hợp vướng mắc liên quan đến công tác chuẩn hóa dữ liệu để làm tài liệu hướng dẫn và tham khảo cho các cán bộ thực hiện công tác

chuẩn hóa dữ liệu.

- Xây dựng các quy định, các cơ chế, chính sách về nền tảng công nghệ thông tin để Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có đủ khả năng làm đầu mối cung cấp các thông tin pháp lý về đăng ký doanh nghiệp.

Việc sử dụng nền tảng, công nghệ thông tin nào phải được quy định rõ để là cơ sở đáp ứng việc kết nối thông tin cho các đơn vị có liên quan khác, xây dựng các ứng dụng trong công tác chuẩn hóa dữ liệu.

- Xây dựng các văn bản quy định về thực hiện thông tin, tuyên truyền đối với đăng ký doanh nghiệp, về nâng cao năng lực phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý đăng ký doanh nghiệp trong đó có cả nội dung về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

Thông tin, tuyên truyền là một nhiệm vụ quan trọng trong việc tổ chức, thực thi nhằm đưa các văn bản, quy định về pháp luật vào thực hiện trong cuộc sống. Việc tổ chức thông tin, tuyên truyền bao gồm nội dung, cơ chế phối hợp thực hiện phải được quy định rõ tại các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước.

### ***3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý về đăng ký doanh nghiệp***

- Xây dựng văn bản pháp luật có quy định rõ về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan khác trong công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp.

Thực tế, tình trạng chồng chéo, không rõ ràng về chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND xảy ra phổ biến do cơ chế phân định chức năng và giao nhiệm vụ quản lý nhà nước được quy định trong nhiều nhóm văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, gồm: các luật và văn bản quy phạm pháp luật về các loại hình doanh nghiệp; trong các luật và văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; trong các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác và trong văn bản điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước.

Việc phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong

lĩnh vực thanh kiểm tra thực thi pháp luật và chính sách đối với các loại hình doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh, kiểm tra thực hiện quy định về đăng ký kinh doanh,...) có nhiều hạn chế. Gần như tất cả các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoặc địa phương đều có chức năng thanh, kiểm tra trong ngành, lĩnh vực hoặc địa phương nhưng do chưa rõ trách nhiệm và nghĩa vụ cũng như sự phối hợp của các cơ quan, dẫn tới vừa chồng chéo, phiền hà, vừa buông lỏng trong nhiều khâu, nhiều lĩnh vực.

- Tổ chức các lớp đào tạo để bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, năng lực của các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp ở các cấp.

Lực lượng làm công tác quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp tại các địa phương thường hay luân chuyển, không ổn định, nhân sự thiếu hụt, lại không được tổ chức, tập huấn bài bản. Ở cấp quận, huyện, cán bộ làm công tác đăng ký doanh nghiệp là cán bộ kiêm nhiệm chứ không phải chuyên trách, phương tiện phục vụ công tác quản lý thiếu thốn. Do vậy, công tác quản lý đăng ký doanh nghiệp nên quá tải so với biên chế cũng như khả năng của các địa phương, dẫn đến hiệu quả của công tác quản lý còn thấp.

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện quy chế phối hợp cụ thể giữa các cơ quan nhà nước các cấp từ Trung ương đến địa phương trong thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và không gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan để thực hiện rà soát các doanh nghiệp đã đăng ký thành lập mà không đăng ký thuế hoặc đã dừng thực hiện nghĩa vụ thuế mà không hoặc chưa làm thủ tục giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh đảm bảo thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu một cách sâu sát, gắn kết và có hiệu quả..

- Thực hiện tổ chức và bố trí nguồn lực một cách kịp thời và tương xứng với khối lượng công việc chuẩn hóa dữ liệu nhằm đạt được hiệu quả trong công tác triển khai.

- Phát triển hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thành công cụ chủ yếu phục vụ công tác quản lý đăng ký cho cơ quan đăng ký kinh doanh trên phạm vi toàn quốc, đẩy mạnh việc khớp nối, trao đổi thông tin về đăng ký doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý và các chủ thể khác nhằm xây dựng nguồn thông tin có giá trị pháp lý đảm bảo việc tham vấn chính sách của các bộ, ngành cho Nhà nước.

- Xây dựng cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia là kênh chính thống để cơ quan quản lý nhà nước công bố rộng rãi dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp ra cộng đồng theo quy định của pháp luật nhằm giảm bớt rủi ro cho doanh nghiệp trong các giao dịch về kinh tế, hoạt động minh bạch hơn và an toàn hơn.

- Xây các kế hoạch triển khai về chuẩn hóa dữ liệu và số hóa tài liệu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm mục đích hoàn thiện và đồng bộ dữ liệu về doanh nghiệp, phát hiện và đính chính, bổ sung, cập nhật các thông tin còn sai lệch hoặc còn thiếu về doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

### ***3.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện kiểm soát việc thực hiện chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp***

- Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực, hiệu quả công việc cho các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh và các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Việc xây dựng bộ chỉ số là cần thiết qua đó giúp cho cơ quan quản lý cấp trên, lãnh đạo các đơn vị và bản thân mỗi cán bộ đăng ký kinh doanh có thể đánh giá được mức độ thực hiện công việc, hiệu quả trong công tác quản lý để từ đó có những điều chỉnh, thay đổi, bổ sung về nhân sự, công việc cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm và tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về nội dung đăng ký doanh nghiệp theo đúng trọng tâm, khách quan và trung thực. Qua các cuộc kiểm tra, cần đánh giá và chỉ rõ những mặt còn hạn chế trong công tác đăng ký doanh nghiệp, từ đó có kiến nghị về các biện pháp xử lý để đảm bảo hiệu quả



trong quản lý đăng ký doanh nghiệp.

- Hướng dẫn địa phương xây dựng các kế hoạch tự kiểm tra công tác đăng ký doanh nghiệp hàng năm. Qua kết quả kiểm tra, các Phòng Đăng ký kinh doanh tự đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện công tác đăng ký doanh nghiệp và bổ sung, hoàn thiện các quy trình công việc, hồ sơ công việc cho phù hợp với yêu cầu hoặc kiến nghị với lãnh đạo, cơ quan cấp trên các vấn đề vướng mắc không thuộc thẩm quyền xử lý.

- Xây dựng cuốn sổ tay hướng dẫn về nghiệp vụ công tác kiểm tra đăng ký doanh nghiệp, là công cụ hỗ trợ cho các cán bộ làm công tác kiểm tra tiến hành thực thi nhiệm vụ trong quá trình thực hiện kiểm tra. Sổ tay kiểm tra phải được hướng dẫn rõ ràng về nghiệp vụ và đảm bảo cập nhật, bổ sung thường xuyên và đầy đủ các quy định mới nhất có liên quan về đăng ký doanh nghiệp.

- Công khai, minh bạch kết quả thực hiện, giải quyết công việc về đăng ký doanh nghiệp của các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh trên hệ thống thông tin điện tử tại cơ quan, đơn vị và đảm bảo các tổ chức, cá nhân có liên quan có thể xem, biết, theo dõi và giám sát thực hiện.

- Phát huy vai trò của xã hội và của các chủ thể khác nhằm hỗ trợ Nhà nước trong quản lý, giám sát doanh nghiệp thông qua việc trao đổi trực tuyến thông tin về đăng ký doanh nghiệp giữa các cơ quan đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường, thuế, hải quan, thống kê, thanh tra... để làm công cụ quản lý, giám sát, xử lý vi phạm của doanh nghiệp.

Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức có liên quan tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác chuẩn hóa dữ liệu tại địa phương cho các doanh nghiệp, qua đó để doanh nghiệp biết và nắm rõ trách nhiệm của mình trong việc phản hồi, cập nhật thông tin và tuân thủ các quy định về chuẩn hóa dữ liệu.

- Tiến hành xem xét lại tình hình triển khai công tác kiểm tra thực hiện công việc một cách thường xuyên nhằm đảm bảo việc đánh giá là đúng và chính xác.

### **3.4. Nhóm giải pháp khác**

a) Đẩy mạnh nhận thức về tầm quan trọng của chất lượng nguồn dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, qua đó tăng cường và đẩy mạnh sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo các cấp đến công tác quản lý về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương thông qua các văn bản chỉ đạo, các chương trình và kế hoạch công tác về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp.

b) Xây dựng và thống nhất cách thức phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế nhằm hướng dẫn các địa phương triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu có hiệu quả.

c) Bố trí và đảm bảo các nguồn lực vật chất và nguồn lực con người nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, đây là cơ sở đảm bảo cho việc thực thi công tác chuẩn hóa dữ liệu.

d) Thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp với một số nội dung triển khai cụ thể, như sau:

*- Bổ sung mã số doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trông mã nhằm thống nhất số liệu và đồng bộ thông tin giữa hai cơ quan đăng ký và cơ quan thuế.*

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh phối hợp Tổng cục Thuế hướng dẫn xây dựng kế hoạch rà soát, đối chiếu tình trạng hoạt động của doanh nghiệp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế cho các địa phương nhằm bổ sung mã số doanh nghiệp cho hơn 117 ngàn doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu quốc gia hiện nay còn trông mã số doanh nghiệp.

*Bước 1:* Rà soát, đối chiếu thông tin về mã số doanh nghiệp (mã số thuế), tình trạng hoạt động của doanh nghiệp bên cơ quan thuế

Trên cơ sở Danh sách doanh nghiệp trông mã số doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh và Danh sách doanh nghiệp có tại cơ quan thuế, sẽ tiến hành thực hiện việc đối chiếu thông tin của từng doanh nghiệp theo các tiêu chí:

số đăng ký kinh doanh, tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở và người đại diện theo pháp luật,... để bổ sung, cập nhật thông tin mã số doanh nghiệp (mã số thuế) và tình trạng hoạt động của doanh nghiệp bên cơ quan thuế.

Kết quả đạt được sau khi thực hiện rà soát, đối chiếu như sau:

+ Danh sách doanh nghiệp được bổ sung, cập nhật mã số doanh nghiệp và tình trạng hoạt động của doanh nghiệp bên cơ quan thuế (bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật, tình trạng trên hệ thống đăng ký kinh doanh, tình trạng thuế,...).

+ Danh sách doanh nghiệp chỉ có thông tin bên cơ quan đăng ký kinh doanh mà không có bên cơ quan thuế.

+ Danh sách doanh nghiệp chỉ có thông tin bên cơ quan thuế mà không có bên cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trên cơ sở kết quả Danh sách các doanh nghiệp đã được cập nhật, bổ sung mã số doanh nghiệp, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh tiến hành cập nhật các mã số doanh nghiệp cho các doanh nghiệp còn đang trông mã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Việc rà soát, đối chiếu được thực hiện trên cơ sở so sánh, đối chiếu một số thông tin đăng ký của doanh nghiệp giữa hai cơ sở dữ liệu của cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế để đưa ra một danh sách doanh nghiệp chung và thống nhất, có sự đồng bộ về mã số doanh nghiệp, công việc này hiện nay cần được thực hiện cho tất cả các địa phương.

*Bước 2:* Chuẩn hóa dữ liệu đối với các trường hợp doanh nghiệp không còn tồn tại hoặc không còn hoạt động chưa hoàn thành thủ tục giải thể

Trên cơ sở kết quả các Danh sách doanh nghiệp nói trên, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh chuyên về các Phòng Đăng ký kinh doanh để tiến hành các bước thu hồi và giải thể theo quy định.

*- Thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin cho các doanh nghiệp hiện có các trường thông tin trống dữ liệu*

Trên cơ sở dữ liệu của các doanh nghiệp đã được cập nhật, bổ sung đầy đủ mã số doanh nghiệp, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh tiến hành thống kê ra

danh sách các doanh nghiệp hiện còn trống trường thông tin, gửi cho các Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện:

\* Đối với các doanh nghiệp đang tiến hành làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đồng thời việc cập nhật bổ sung thêm các thông tin còn thiếu.

\* Đối với các doanh nghiệp chưa tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh xây dựng kế hoạch chuẩn hóa dữ liệu để rà soát và gửi thông báo tới các doanh nghiệp để đề nghị bổ sung cập nhật thông tin, gồm:

- Chọn và in thông báo gửi doanh nghiệp từ phần mềm chuẩn hóa dữ liệu.
- Tiếp nhận thông báo phản hồi.
- Cập nhật thông tin phản hồi.
- Quản lý các doanh nghiệp thực hiện triển khai,...

*- Thực hiện hiệu đính thông tin cho các doanh nghiệp hiện có thông tin chưa chính xác và dữ liệu chưa thống nhất*

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thực hiện thống kê chi tiết danh sách doanh nghiệp theo địa phương có thông tin chưa chính xác và dữ liệu chưa thống nhất và gửi cho các Phòng Đăng ký kinh doanh để triển khai rà soát, kiểm tra và đối chiếu thông tin đăng ký hiện có trong cơ sở dữ liệu và hồ sơ gốc.

Trên cơ sở danh sách doanh nghiệp của địa phương mình, Phòng Đăng ký kinh doanh xây dựng kế hoạch thực hiện và tiến hành kiểm tra thông tin của từng hồ sơ doanh nghiệp đăng ký có thông tin chưa chính xác và dữ liệu chưa thống nhất để tiến hành hiệu đính lại thông tin.

đ) Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp

- Chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các thông tin sai lệch của doanh nghiệp, qua đó, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động và cạnh tranh bình đẳng.

- Nâng cao nhận thức về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động đăng ký của doanh nghiệp cho cơ quan, cán bộ công chức. Làm rõ vai trò quản

lý phải gắn liền với chức năng, nhiệm vụ được giao, giảm tình trạng né tránh trách nhiệm quản lý đăng ký doanh nghiệp.

- Đối với những tổ chức hay cá nhân chưa thực sự quyết tâm trong việc thực hiện công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, cần được trao đổi để tăng cường nhận thức về mục đích, mục tiêu của công tác chuẩn hóa, các kế hoạch hành động cũng như kết quả dự kiến đạt được. Bên cạnh đó, cũng cần làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc thực thi công vụ gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ của người cán bộ công chức.

- Trên cơ sở thực trạng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương, cần thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Lãnh đạo trong việc lập và xây dựng kế hoạch công tác chuẩn hóa dữ liệu. Qua đó, tăng cường và đẩy mạnh sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo các cấp trong công tác chuẩn hóa dữ liệu.

- Tăng cường nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân về bản chất của công tác đăng ký doanh nghiệp là việc ghi nhận sự tồn tại hợp pháp của doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước và việc thực hiện chức năng cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin doanh nghiệp để hỗ trợ nhu cầu thông tin của cơ quan quản lý nhà nước và chính các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.

e) Chủ động quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tiếp cận công nghệ quản lý mới đảm bảo thực hiện mục tiêu quản lý đăng ký doanh nghiệp, cụ thể:

- Tăng cường hoạt động thông tin, nhất là thông tin dự báo để có sự chủ động và linh hoạt hơn trong điều hành, quản lý.

- Xây dựng và đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên sâu, thực sự am hiểu về chuyên ngành và lĩnh vực công tác (không chạy theo bằng cấp); giỏi ngoại ngữ, thông hiểu luật pháp quốc tế.

## **4. Điều kiện thực thi giải pháp**

### **4.1. Đối với Chính phủ**

- Xây dựng lộ trình về hoàn thiện khung pháp luật như sửa đổi, bổ sung các Luật, văn bản hướng dẫn Nghị định, Thông tư cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp

- Theo kết quả rà soát về sự tương thích giữa khối lượng công việc và số

lượng cán bộ, công chức làm công tác đăng ký doanh nghiệp, để đảm bảo khối lượng công việc phân bố hợp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, kiến nghị Chính phủ xem xét, ban hành văn bản quy định về tiêu chuẩn đặc thù của cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh.

- Đề duy trì hoạt động ổn định; phát triển, nâng cấp hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và kịp thời hỗ trợ kỹ thuật cho cơ quan đăng ký kinh doanh của 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, đồng thời xây dựng phương án kết nối tự động nhằm trao đổi thông tin với các bên có liên quan, kiến nghị Chính phủ quan tâm bố trí đủ nguồn lực ngân sách cho hoạt động này.

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành liên quan khẩn trương hoàn thiện các cơ chế, chính sách và nền tảng công nghệ thông tin để có thể kết nối với hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nhằm trao đổi, cung cấp các thông tin pháp lý về đăng ký doanh nghiệp.

#### ***4.2. Đối với các Bộ, ngành liên quan khác***

- Các Bộ, ngành tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh việc triển khai có hiệu quả các nhóm giải pháp nêu tại Quyết định số 419/QĐ-TTg; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc; chú ý đến việc bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ tại chương trình công tác đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

- Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Chính phủ định kỳ 6 tháng về tình hình chấp hành quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử phạt doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền và từng bước công khai hóa thông tin cơ bản của doanh nghiệp, hướng doanh nghiệp theo hướng tự chịu trách nhiệm về các thông tin đăng ký liên quan đến quá trình đăng ký gia nhập thị

trường.

- Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo kết nối với hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia đi đôi với việc bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ và dần hoàn thiện tổ chức bộ máy đăng ký kinh doanh nhằm quản lý và khai thác tốt nguồn dữ liệu.

#### **4.3. Đối với chính quyền địa phương**

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo quy định pháp luật trên phạm vi địa phương.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của doanh nghiệp cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật trên phạm vi địa phương. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình quản lý đăng ký doanh nghiệp của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

- Báo cáo Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ những vấn đề phát sinh trong thực tế triển khai công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp ở địa phương để kịp thời ban hành chính sách, biện pháp khắc phục.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương trong việc xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, pháp luật về hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan ngang bộ trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với đăng ký doanh nghiệp; xây dựng, triển khai các chương trình phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân, người quản lý doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp, trực tiếp ghi nhận, xử lý những ý kiến, phản ánh của doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp về những vấn đề bất cập trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp hoặc kiến nghị lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kịp thời khắc phục, xử lý.

- Tăng cường việc xử phạt các vi phạm về nghĩa vụ đăng ký và nghĩa vụ báo cáo của doanh nghiệp từ đó sẽ góp phần quan trọng trong việc minh bạch hóa môi trường kinh doanh.

#### **4.4. Đối với doanh nghiệp**

- Vai trò của các doanh nghiệp, doanh nhân hiện nay được Đảng và Nhà nước rất quan tâm và tạo điều kiện để phát triển góp phần xây dựng công cuộc đổi mới đất nước. Xác định được tầm quan trọng của vấn đề này, các doanh nghiệp cần tích cực và chủ động tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

- Cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nói riêng phối hợp và cùng tham gia với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình giám sát hoạt động đăng ký của doanh nghiệp, đảm bảo cho việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, từng bước nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận của cộng đồng đến thông tin có giá trị pháp lý của doanh nghiệp, thiết lập được một cơ chế giám sát chéo giữa các cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, giữa bản thân các doanh nghiệp trong nền kinh tế và giữa cộng đồng với các hoạt động của doanh nghiệp.

- Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu về pháp luật đăng ký doanh nghiệp nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.



## PHẦN KẾT LUẬN

Sự phát triển ngày càng cao của cộng đồng doanh nghiệp đòi hỏi công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp phải luôn được đổi mới, thay đổi để kịp thời thích ứng. Trong thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp được phát huy hết sức hiệu quả, cụ thể là việc xây dựng thành công Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyển đổi thành công dữ liệu đăng ký kinh doanh từ các địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do dữ liệu hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp còn một số tồn tại như thiếu và sai khác thông tin, tính chất dữ liệu không có sự đồng nhất, tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu còn hạn chế, nên trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư với chức năng được giao là cơ quan chủ quản trong việc quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp đã tiến hành tổ chức hướng dẫn triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp cho các địa phương trong cả nước. Bên cạnh những kết quả tích cực mang lại thì công tác chuẩn hóa dữ liệu cũng còn tồn tại một số hạn chế về nhận thức tầm quan trọng, sự quan tâm và chỉ đạo, nguồn lực và thời gian, công tác phối hợp,... Những vấn đề này cần phải được nghiên cứu, đánh giá một cách tổng thể để đưa ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương một cách thống nhất từ cấp Trung ương xuống địa phương.

Vì vậy, đề tài khoa học cấp Bộ với tên gọi “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương” được thực hiện nhằm đưa ra các nhóm giải pháp để qua đó hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp ra nhập thị trường, tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh. Trên thực tế, một số giải pháp trong các nhóm giải pháp nêu trên đã được áp dụng và triển khai thực hiện như: giải pháp hoàn thiện khung pháp luật,

chính sách; giải pháp hoàn thiện tổ chức, thực hiện quản lý; giải pháp hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật; giải pháp bổ sung mã số doanh nghiệp, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ đề tài, mặc dù đã có nhiều cố gắng song đề tài cũng còn nhiều hạn chế do thời gian nghiên cứu chưa nhiều, khả năng tiếp cận, thu thập thông tin vẫn còn hạn chế nên số liệu, dẫn chứng về quản lý nhà nước đối với dữ liệu đăng ký doanh nghiệp đưa ra chưa toàn diện trên các lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh.

Để đề tài được hoàn thiện hơn, rất mong nhận được các ý kiến góp ý của Hội đồng đánh giá đề tài.

Xin trân trọng cảm ơn!

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Công an (2008), *Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/8/2008 hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết ba thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp Giấy phép khắc dấu.*
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2010), *Quyết định số 1899/QĐ-BKH ngày 08/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.*
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Báo cáo kết quả khảo sát tại Vương quốc Na uy và Vương quốc Thụy Điển về công tác đăng ký kinh doanh từ ngày 10/12 đến ngày 18/12/2011.*
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011, 2012, 2013), *Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp.*
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Quyết định số 543/QĐ-BKHĐT ngày 02/5/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.*
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 23/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký doanh nghiệp.*
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ (2000), *Thông tư liên tịch số 05/2000/TTLB-BKH-TCCBCP ngày 07 tháng 6 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn việc tổ chức Phòng đăng ký kinh doanh ở cấp tỉnh và huyện.*
8. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 9/8/2013 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính về phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.*
9. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin.*
10. Chính phủ (2010), *Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.*
11. Chính phủ (2010), *Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ*

*về đăng ký doanh nghiệp.*

12. Chính phủ (2015), *Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp*
13. Chính phủ (2013), *Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.*
14. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (2011), *Quyết định số 135/QĐ-ĐKKD ngày 08/8/2011 của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh về cơ cấu tổ chức của Cục.*
15. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị và Văn kiện Đại hội lần thứ XII.*
16. Học viện Hành chính Quốc gia, *Giáo trình Quản lý Nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.*
17. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp năm 2005.*
18. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014.*
19. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 09/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Cục Quản lý đăng ký kinh doanh*
20. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.*
21. Một số tài liệu, bài viết tham khảo khác.